

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Thị Lan Hương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ THÉP PHÚ HÙNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đặng Thị Lan Hương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Thị Lan Hương

Mã SV: 1312401137

Lớp: QT1703K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và
Thép Phú Hưng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và Thép Phú Hưng.
- ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở đề đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Sử dụng số liệu năm 2015 hoặc 2016 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và Thép Phú Hưng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ và Thép Phú Hưng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và Thép Phú Hưng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đặng Thị Lan Hương

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

-Sinh viên Đặng Thị Lan Hương, lớp QT1703K trong quá trình làm khóa luận thực hiện tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian và nội dung yêu cầu của bài viết.

-Đồng thời, sinh viên Hương rất chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu các nội dung về mặt lý thuyết cũng như thực tế các vấn đề liên quan đến đề tài của khóa luận. Ngoài ra sinh viên Hương còn thể hiện quá trình nghiên cứu nghiêm túc thể hiện ở nội dung bài viết có số liệu khá phong phú.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Chương 1: Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

-Chương 2: Mô tả khá chi tiết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và Thép Phú Hưng. Số liệu được khảo sát năm 2016 khá phong phú và logic.

- Chương 3: Đưa ra được ưu nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trên cơ sở đó đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và Thép Phú Hưng. Các kiến nghị được đánh giá có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....

Hải Phòng, ngày 20 tháng 8 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài	1
4. Phương pháp nghiên cứu.....	1
5. Kết cấu khóa luận	2
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1 Tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1 Khái niệm và nguyên tắc kế toán doanh thu.	3
1.1.2 Khái niệm và nguyên tắc kế toán chi phí.	5
1.1.3. Khái niệm và nguyên tắc kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ.	8
1.2.1. Tài khoản 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	10
1.2.2. Tài khoản 521: Các khoản giảm trừ doanh thu:.....	12
1.2.3. Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán	14
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	17
1.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	17
1.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	17
1.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	20
1.5 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp	29
1.6. Các hình thức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ THÉP PHÚ HÙNG.....	33
2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH TNDV và Thép Phú Hưng.....	33
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng	33
2.1.2 Sơ đồ tổ chức và đặc điểm kinh doanh của công ty	33

2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng.....	38
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	38
2.1.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	46
2.2.1.3. Kế toán Chi phí quản lý kinh doanh	51
2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Thép Phú Hưng.	60
2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí khác tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Thép Phú Hưng.....	67
2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng.....	73
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV VÀ THÉP PHÚ HƯNG.....	80
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng.....	80
3.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng.....	81
3.3. Một số giải pháp nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng.	82
3.3.1. Giải pháp 1: Tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.	82
3.2.2. Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán	85
3.3.3 Giải pháp 2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.	88
3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng ...	90
KẾT LUẬN	91

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển hơn, đời sống người lao động cũng ngày càng được cải thiện. Nhưng để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải có sự cố gắng tối đa trong quá trình quản lý, sản xuất kinh doanh. Cũng để đạt được mục đích đó, công tác kế toán đóng một vai trò quan trọng, thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà quản lý, giúp cho họ trong việc đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời, giúp đơn vị thực hiện được các mục tiêu đề ra.

Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã mạnh dạn chọn và đi sâu nghiên cứu đề tài "Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Và Thép Phú Hưng".

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về đề tài kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Và Thép Phú Hưng
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Và Thép Phú Hưng

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

- Đối tượng nghiên cứu : Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Phạm vi nghiên cứu: Công ty TNHH TMDV Và Thép Phú Hưng

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê so sánh
- Thu thập số liệu tại đơn vị thực tập
- Phương pháp phân tích các số liệu ghi chép trên sổ sách công ty

5. Kết cấu khóa luận

Khóa luận bao gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Và Thép Phú Hưng

Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Và Thép Phú Hưng

CHƯƠNG I**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1 Tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh****1.1.1 Khái niệm và nguyên tắc kế toán doanh thu.****❖ Khái niệm về doanh thu:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS14- Doanh thu và thu nhập khác) ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của BTC qui định: “ Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển vốn chủ sở hữu ”.

Theo quyết định số 48/2004/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2004 thì doanh thu được định nghĩa là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

- Liên quan đến doanh thu còn có các khoản giảm trừ doanh thu
 - Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
 - Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
 - Giá trị hàng bán bị trả lại: Là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
 - Doanh thu của các doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và các hoạt động bất thường.
- ❖ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**
- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được 8 chia theo quy định hiện hành, nếu không thỏa mãn thì không hạch toán vào doanh thu.
 - Doanh thu thường được theo dõi theo từng hoạt động kinh doanh gồm doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường và doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- *Doanh thu hoạt động kinh doanh*: Là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp thực hiện cung cấp dịch vụ công ích, doanh thu bao gồm cả các khoản trợ cấp của nhà nước cho doanh nghiệp khi thực hiện cung cấp dịch vụ theo nhiệm vụ nhà nước giao mà không thu đủ bù đắp chi.

- *Doanh thu từ hoạt động tài chính*: Bao gồm các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, cho các bên khác sử dụng tài sản của doanh nghiệp, tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

- *Thu nhập khác*: Bao gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác.

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và năm tài chính.

- Doanh thu được chi tiết theo từng loại doanh thu, doanh thu từng mặt hàng,... theo dõi chi tiết từng khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại) để xác định doanh thu thuần của từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng, từ đó phục vụ cho cung cấp thông tin kế toán để quản trị doanh nghiệp và lập báo cáo tài chính.

❖ **Yêu cầu quản lý doanh thu:**

Từ đặc điểm trên của doanh thu tại doanh nghiệp cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Doanh thu của kỳ hạch toán phải được kế toán theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán quy định hiện hành.

- Doanh thu hàng hóa, dịch vụ phải được hạch toán chi tiết theo từng hoạt động.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ tình hình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, tình hình thanh toán với người mua, thanh toán với ngân sách nhà nước các khoản thuế tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ phải nộp.

- Lập báo cáo tình hình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, báo cáo kết quả kinh doanh. Định kỳ, tiến hành phân tích hình hình tiêu thụ hàng hóa.

1.1.2 Khái niệm và nguyên tắc kế toán chi phí.

❖ Khái niệm về chi phí:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoài các hao phí về lao động sống cần thiết và lao động vật hóa để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp còn phải bỏ ra rất nhiều các khoản chi phí khác, các khoản chi phí có thể là một bộ phận mới do doanh nghiệp sáng tạo ra và cũng có những khoản chi phí đôi khi rất khó xác định chính xác là hao phí về lao động sống hay hao phí về lao động vật hóa. Do vậy hiện nay, chi phí hoạt động của doanh nghiệp được hiểu là toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp đã chi ra trong quá trình hoạt động kinh doanh, biểu hiện bằng tiền và tính cho một thời kỳ nhất định.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 01- Chuẩn mực chung: Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

❖ Nguyên tắc ghi nhận chi phí:

- Chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại bao gồm:
 - *Giá vốn hàng bán*: Là giá thực tế xuất kho của hàng đã bán được, là giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành, đã được xác định là tiêu thụ.
 - *Chi phí bán hàng*: là toàn bộ các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu hàng hóa, hoa hồng bán hàng, bảo hành hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận hành..
 - *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung của toàn bộ doanh nghiệp.
 - *Chi phí hoạt động tài chính*: bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính như chi phí lãi vay, chi phí góp vốn liên doanh, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, lỗ chuyển nhượng vốn...
 - *Chi phí khác*: Bao gồm các chi phí ngoài các chi phí kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản, các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng...

- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

- Mỗi doanh nghiệp chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ. Doanh nghiệp khi đã lựa chọn phương pháp kế toán thì phải áp dụng nhất quán trong một năm tài chính. Trường hợp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, cuối kỳ kế toán phải kiểm kê để xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ.

- Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ...

- Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

- Các tài khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Yêu cầu quản lý chi phí :**

Từ những đặc điểm trên kế toán chi phí tại các doanh nghiệp thương mại cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có rất nhiều chi phí phát sinh. Vì vậy để phục vụ cho công tác quản lý và hạch toán kế toán, kế toán cần phân loại, sắp xếp chi phí theo từng nhóm, theo đặc trưng nhất định.

- Đối với nhà quản lý thì các chi phí phát sinh là mối quan tâm hàng đầu, bởi vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của những chi phí đã chi ra. Do đó vấn đề đặt ra là làm sao kiểm soát được các khoản chi phí? Phân tích các hoạt động sinh ra chi phí là mấu chốt để có thể quản lý chi phí từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí kỳ hạch toán phải được kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán quy định hiện hành

- Quản lý chi phí kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, tránh tình trạng sử dụng lãng phí, sai mục đích, đồng thời đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra bình thường.

1.1.3. Khái niệm và nguyên tắc kế toán xác định kết quả kinh doanh.

❖ Khái niệm về kết quả kinh doanh:

- Kết quả hoạt động kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí tài chính

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với chi phí khác.

❖ Nguyên tắc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh:

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ + (Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính) - (Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)

Lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + (Thu nhập khác - Chi phí khác)

❖ Yêu cầu quản lý kết quả kinh doanh:

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của kế toán trong doanh nghiệp nên có đầy đủ đặc điểm của kế toán nói chung đó là được tiến hành thường xuyên, liên tục, chính xác, giúp cho DN kiểm soát được tình hình doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh trong kỳ của DN tăng giảm thế nào để nhà quản trị có cái nhìn tổng quát nhất từ đó đưa ra được các biện pháp và phương án kinh doanh hợp lý nhất, có phương pháp cụ thể, phản ánh đầy đủ tình hình kinh tế, tài chính, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Kế toán kết quả kinh doanh, thông qua Báo cáo tài chính sẽ cung cấp một cách đầy đủ nhất các thông tin kế toán tài chính mà mọi cá nhân, tổ chức và ngoài doanh nghiệp cần quan tâm.

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò rất quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn rất quan trọng đối với đối tượng sử dụng thông tin kế toán ngoài doanh nghiệp, do đó kế toán xác định kết quả kinh doanh cần được quản lý chặt chẽ, đúng đắn, hợp lý, đáp ứng yêu cầu

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh cần tuân thủ theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hiện hành, các văn bản pháp lý, các thông tư, quyết định có liên quan. Đồng thời, yêu cầu quản lý kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp cần phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, mô hình quản lý của DN đó. Khi xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán .

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cần được thực hiện một cách thường xuyên, chính xác, kịp thời, giúp cho DN kiểm soát được tình hình doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh trong kỳ của DN tăng giảm thế nào để nhà quản trị có cái nhìn tổng quát nhất từ đó đưa ra được các biện pháp và phương án kinh doanh hợp lý nhất.

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Các khái niệm liên quan

Bán hàng: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình tái sản xuất. Quá trình này là quá trình thực hiện các quan hệ trao đổi thông qua các phương tiện thanh toán để thực hiện giá trị của sản phẩm, hàng hóa lao vụ, dịch vụ.,

Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

Doanh thu bán hàng: Là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế Doanh nghiệp đã thu được trong kỳ Kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán hàng, sản phẩm, cung cấp dịch vụ,...

Thuế tiêu thụ: Là nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước về hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp lao vụ dịch vụ. Gồm thuế:

- Thuế giá trị gia tăng.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Thuế xuất khẩu.

Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán với người mua hàng do việc người mua đã mua sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ) với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế.

Giảm giá hàng bán: Là khoản tiền doanh nghiệp phải giảm cho khách hàng do không thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng kinh tế như: cung cấp hàng kém phẩm chất, sai quy cách.

Hàng bán bị trả lại: Là số hàng doanh nghiệp đã coi là tiêu thụ, xác định doanh thu, nhưng do số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp bán cho khách hàng không đúng về phẩm chất, quy cách, chủng loại,... bị khách hàng trả lại.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần: Là tổng doanh thu sau khi đã trừ đi các khoản làm giảm tổng doanh thu bán hàng. Được xác định bằng công thức:

$$\begin{array}{rcll} \text{Doanh} & \text{tổng doanh} & \text{Các khoản} & \\ \text{Thu} & = & \text{thu bán} & - \text{giảm trừ} \\ \text{Thuần} & & \text{hàng} & \text{doanh thu} \end{array}$$

Giá vốn hàng bán: Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bắt động sản đầu tư bán trong kỳ các phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Phương thức bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hay tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Người mua thanh toán ngay hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ.

Phương thức gửi hàng đi bán:

Là phương thức mà bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng bên mua chấp nhận này được coi là tiêu thụ.

Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức xuất sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hoá, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hoá, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng.

Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

❖ Nội dung tổ chức Kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Chứng từ Kế toán:

Để kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ, Kế toán sử dụng các chứng từ sau đây:

- Hoá đơn giá trị gia tăng.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi.
- Thẻ quầy hàng.
- Hợp đồng mua bán.
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, giấy báo có,...
- Các chứng từ liên quan khác như: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại,...

Sau đây là nội dung, kết cấu và tài khoản cấp hai của các tài khoản sử dụng:

1.2.1. Tài khoản 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

Bán hàng: bán sản phẩm do Doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán Bất động sản đầu tư.

Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thoả thuận theo Hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động,...

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng..

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 511 có 4 Tk cấp hai.

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá.

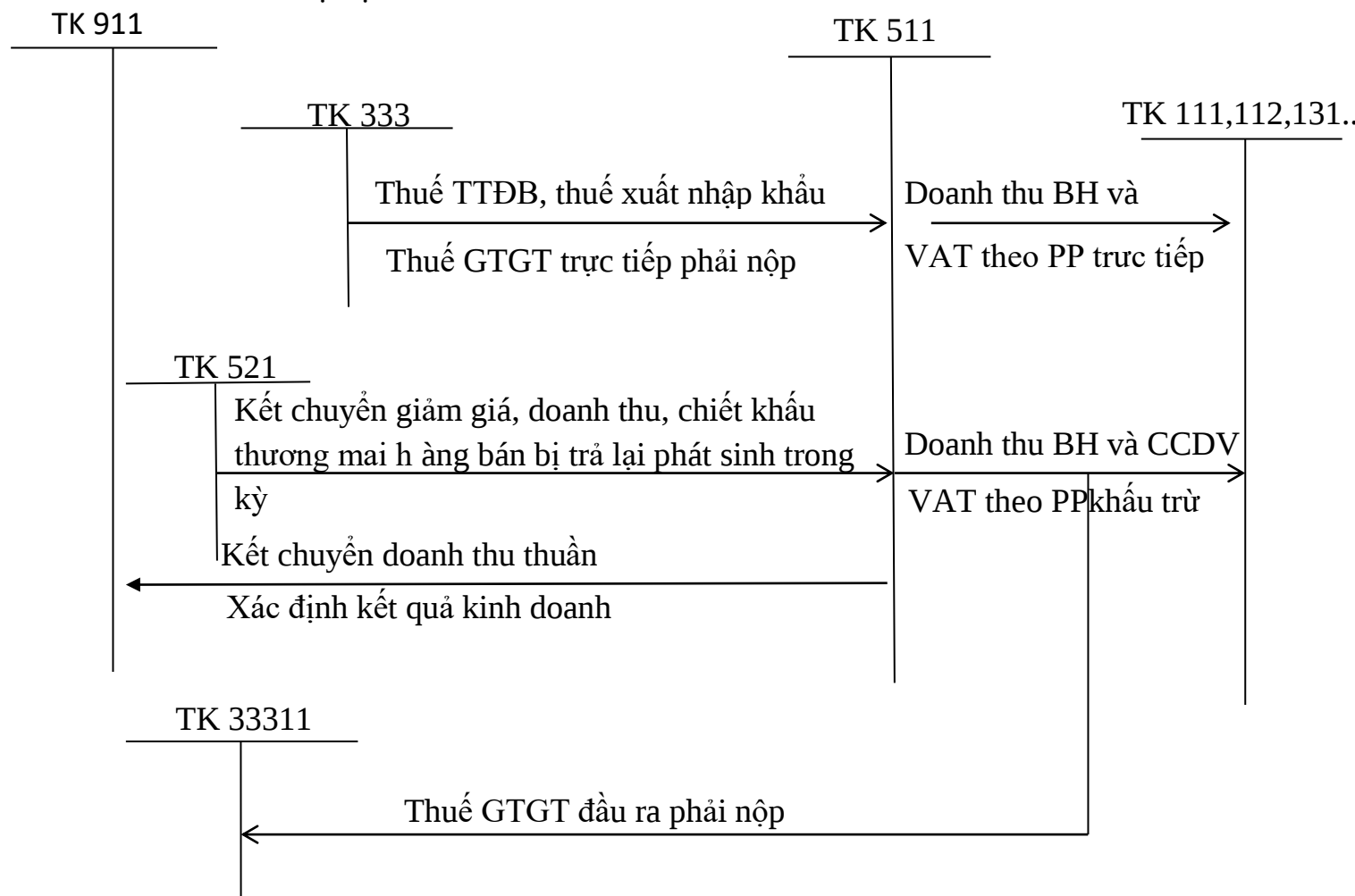
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5118: Doanh thu khác

❖ *Kết cấu tài khoản:*

TK 511-DTBH và cung cấp dịch vụ

Nợ	TK 511	Có
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã được xác thực hiện trong kỳ kế toán định là tiêu thụ trong kỳ kế toán. - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - DTBH bị trả lại kết chuyển cuối kỳ. - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ. - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
		• Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Trình tự hạch toán*



Sơ đồ 1.1. Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Tài khoản 521: Các khoản giảm trừ doanh thu:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng..

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 521 có 3 Tk cấp hai:

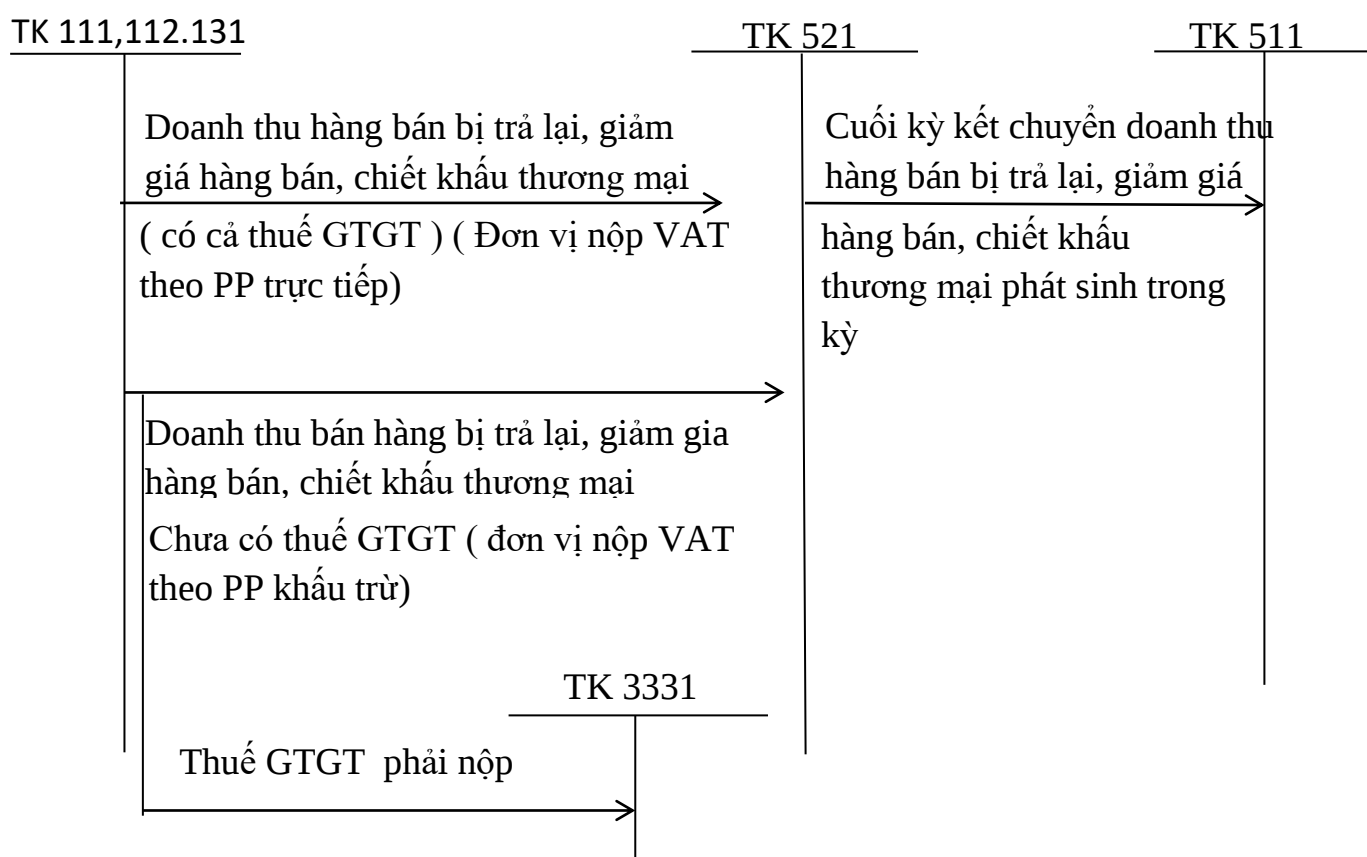
- Tk 5211: Chiết khấu thương mại
- TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- TK 5213: Giảm giá hàng bán

❖ *Kết cấu tài khoản:*

Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng		- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toán bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511'' doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ'' để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Trình tự hạch toán*



Sơ đồ 1.2. Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3. Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Dùng để phản ánh trị giá vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm bán trong kỳ.

Chi hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

Theo chế độ kế toán hiện hành - Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC, ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và tùy theo đặc điểm kinh doanh, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng:

Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán xuất kho:

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \frac{\text{Lượng hàng xuất kho}}{\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền}}$$

Giá vốn bình quân gia quyền được tính

+ Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo công thức sau:

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \frac{\frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ}} + \frac{\text{Tổng trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Tổng lượng hàng nhập trong kỳ}}}{1}$$

+ Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau lần nhập kế trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi.

Mỗi chủng loại hàng khác nhau phải tính giá cho từng mặt hàng tương ứng.

Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

❖ *Phương pháp nhập trước xuất trước(FIFO)*

Kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

❖ *Phương pháp thực tế đích danh:*

Giá của hàng tồn khi sẽ giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy loại đó.

❖ *Phương pháp LIFO:*

Kế toán giả định hàng nhập sau sẽ xuất trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước

❖ *Chứng từ sử dụng.*

- Phiếu xuất kho
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan:

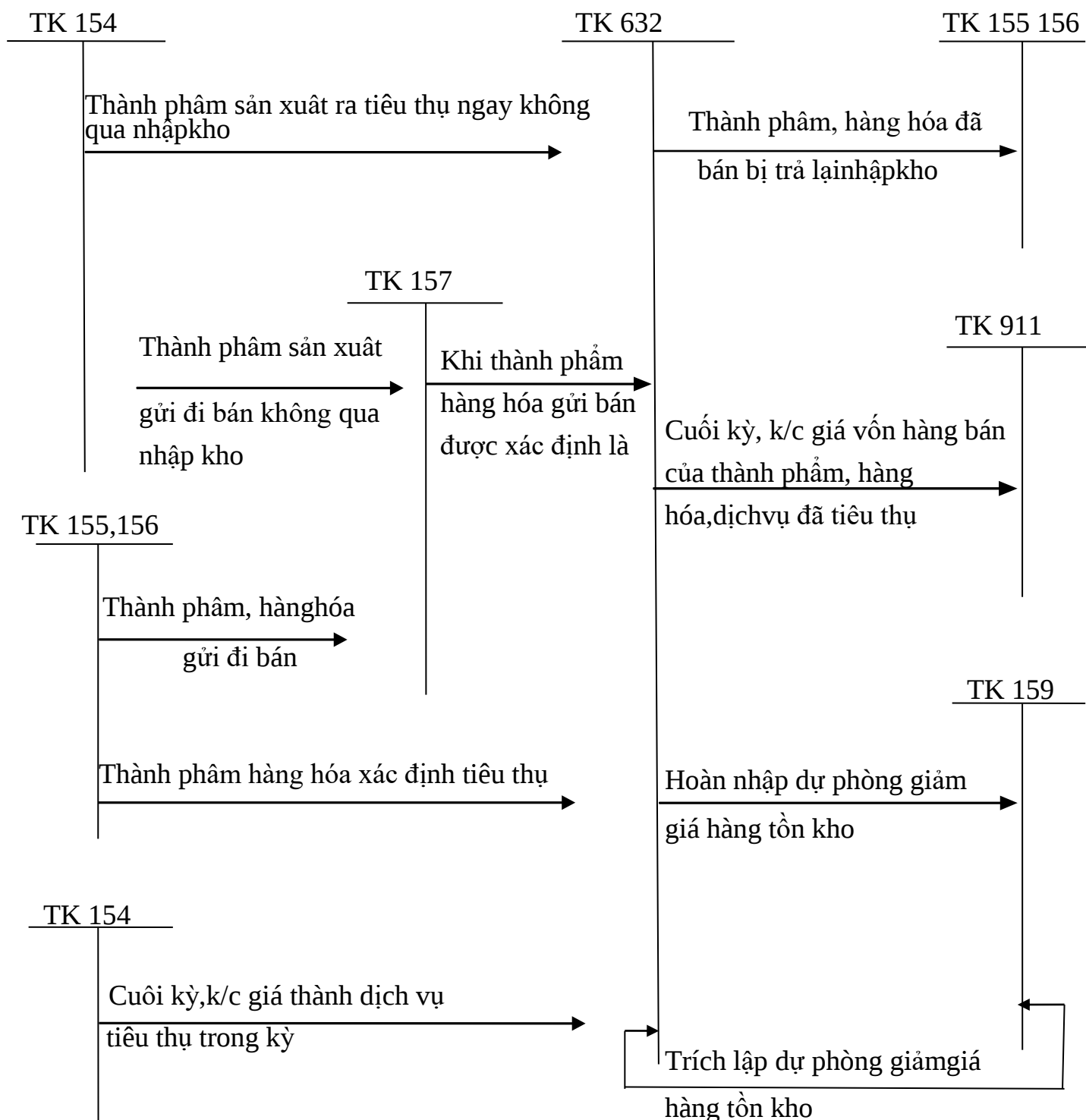
❖ *Tài khoản sử dụng.*

TK 632– Giá vốn hàng bán

❖ *Kết cấu tài khoản*

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và cho phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Hoàn nhập chi phí: chi phí xuất dùng nhưng không dùng hết phải nhập lại kho. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.3. Trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh: là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí dự phòng, chi phí bằng tiền khác

1.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy bảo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh, tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

- TK6421 “ Chi phí bán hàng”
- TK6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

❖ *Kết cấu tài khoản*

Nợ	TK 6421	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.	-	Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

- Tài khoản 6421 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Các chứng từ đã liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

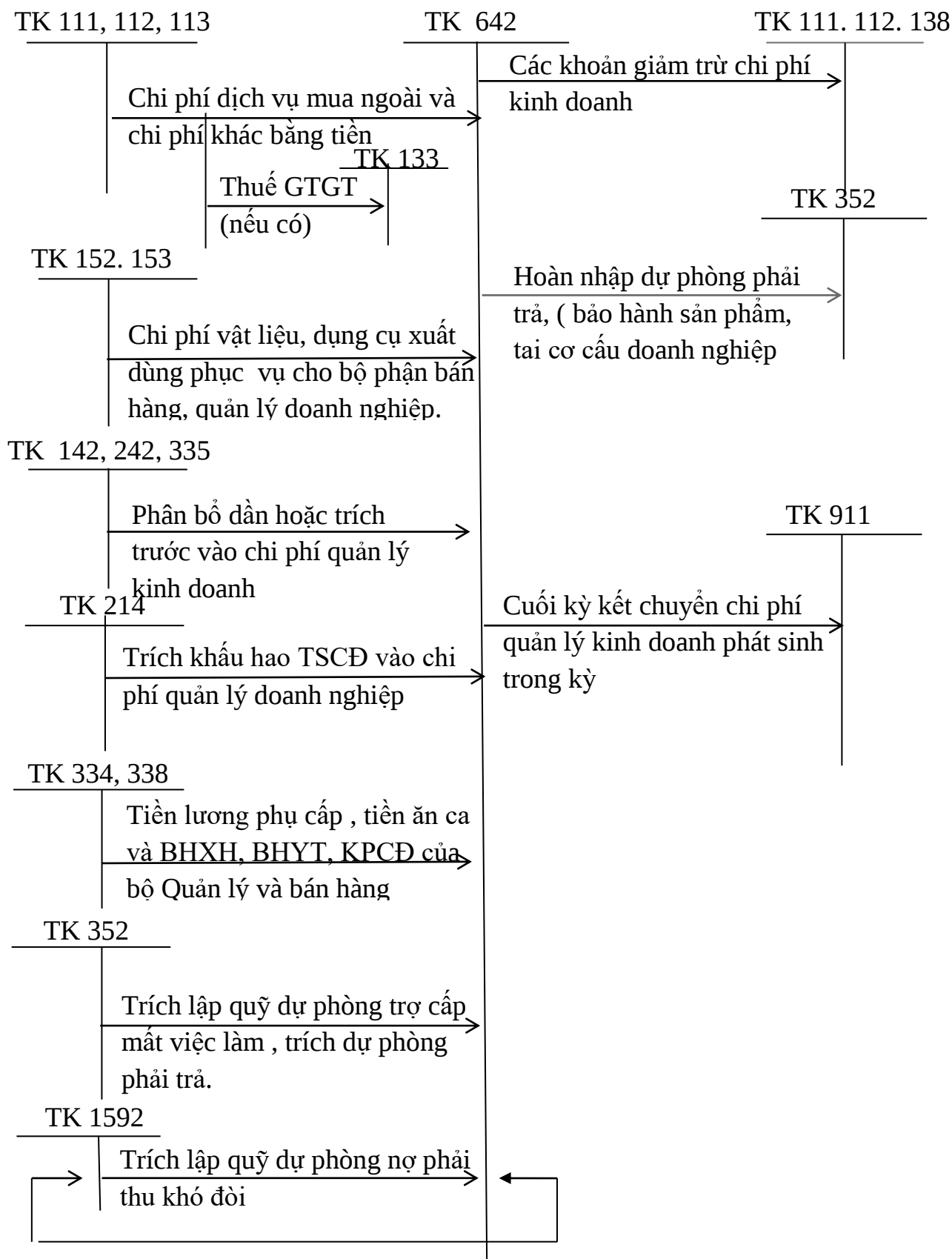
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

❖ *Kết cấu tài khoản*

Nợ	TK 6422	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

- Tài khoản 6422 không có số dư cuối kỳ

❖ *Trình tự hạch toán*



Sơ đồ 1.4. Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

Là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm: tiền lãi, cổ tức được hưởng, lợi nhuận chia từ hoạt động liên quan, liên kết, lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và các khoản khác.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận trên cơ sở:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- + Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ *Chứng từ sử dụng.*

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ *Tài khoản sử dụng.*

TK 515– Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

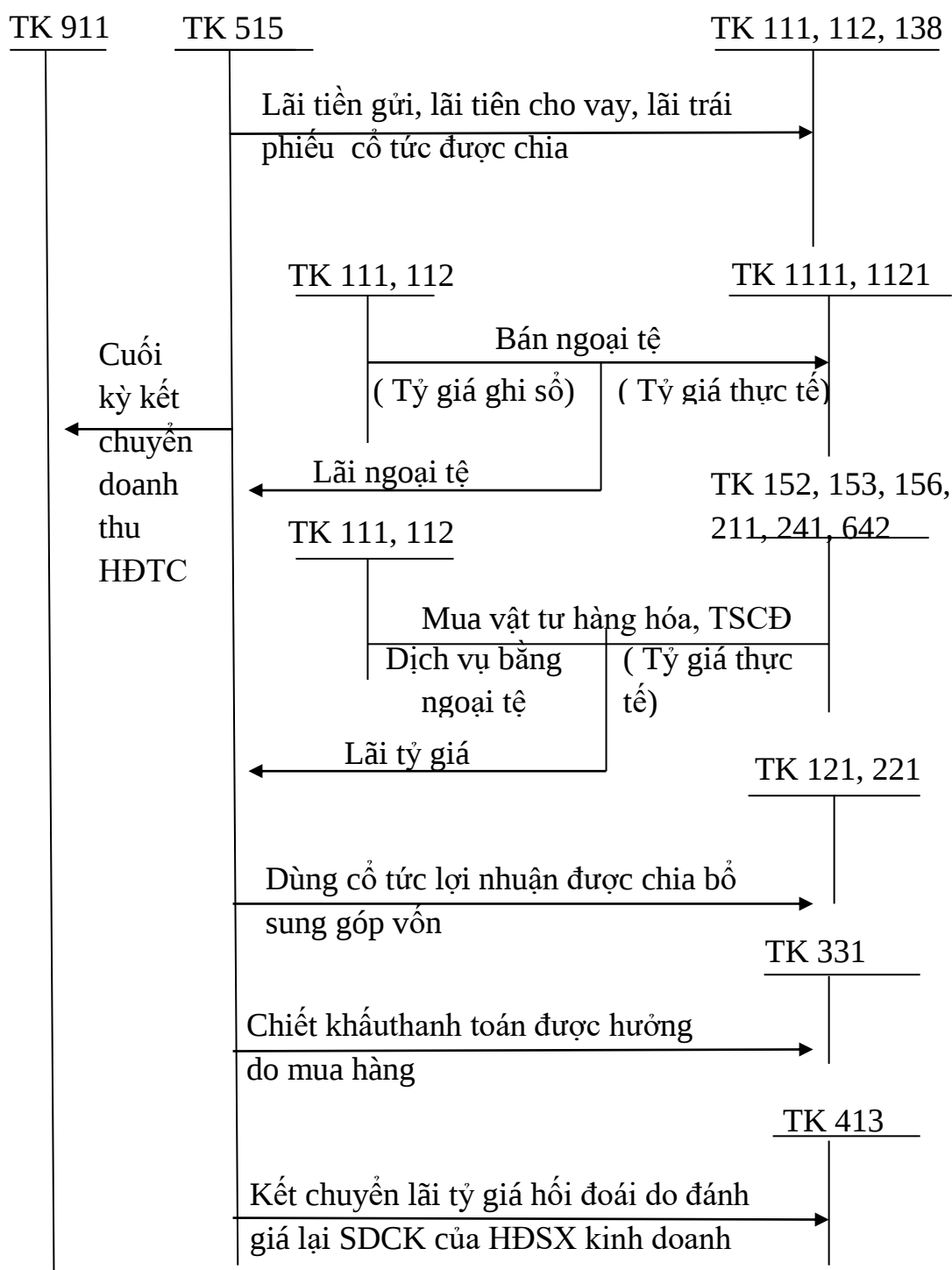
- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia:
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, liên doanh, đầu tư, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ Kết cấu tài khoản:

Nợ	Tk 515	Có
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.	

- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ *Trình tự hạch toán*



Sơ đồ 1.5. Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

TK 635– Chi phí tài chính

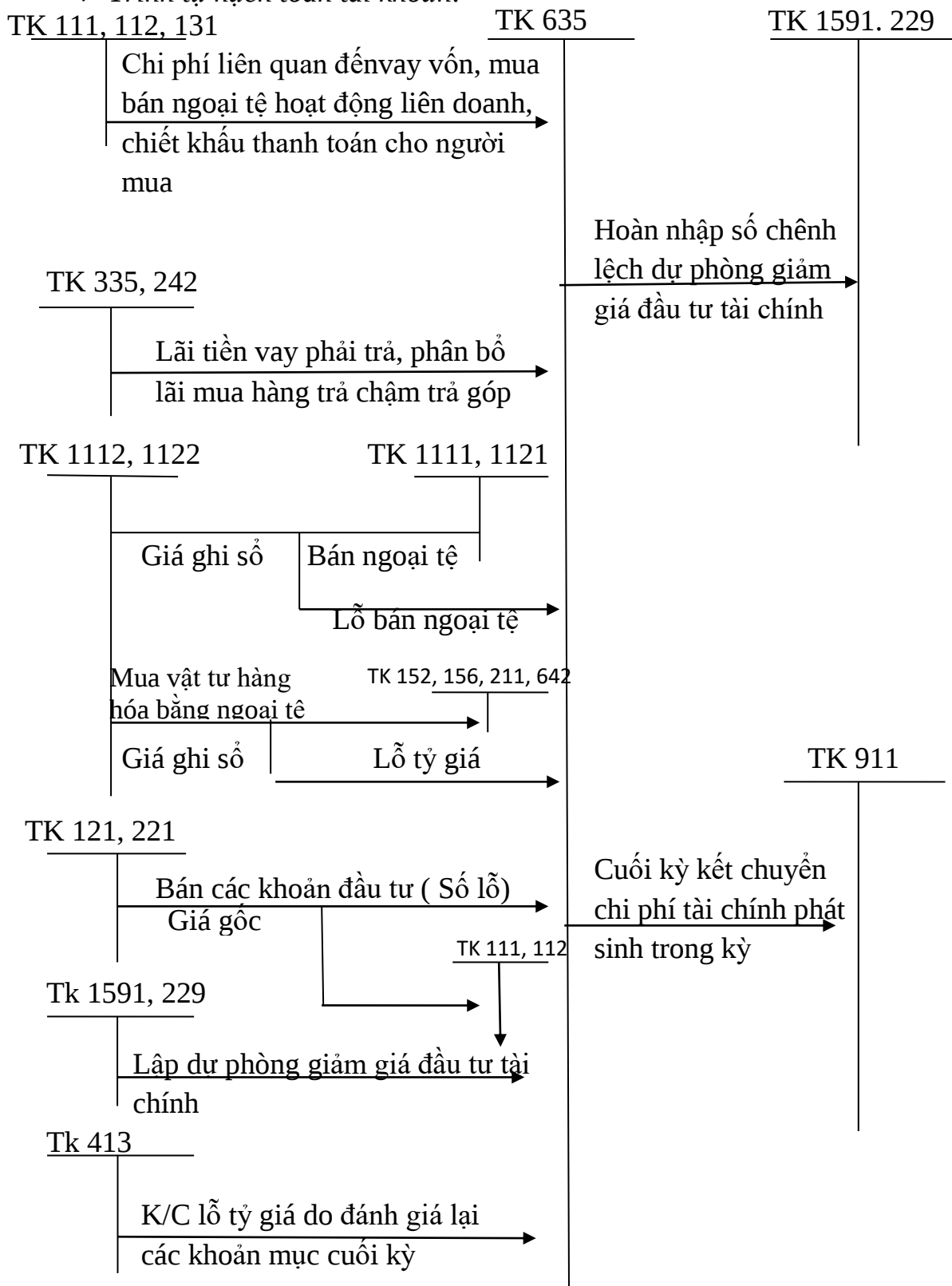
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp

❖ *Kết cấu tài khoản*

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ *Trình tự hạch toán tài khoản:*



Sơ đồ 1.6. Trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.4. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ *Tài khoản sử dụng*

❖ Tài khoản 711: Thu nhập khác

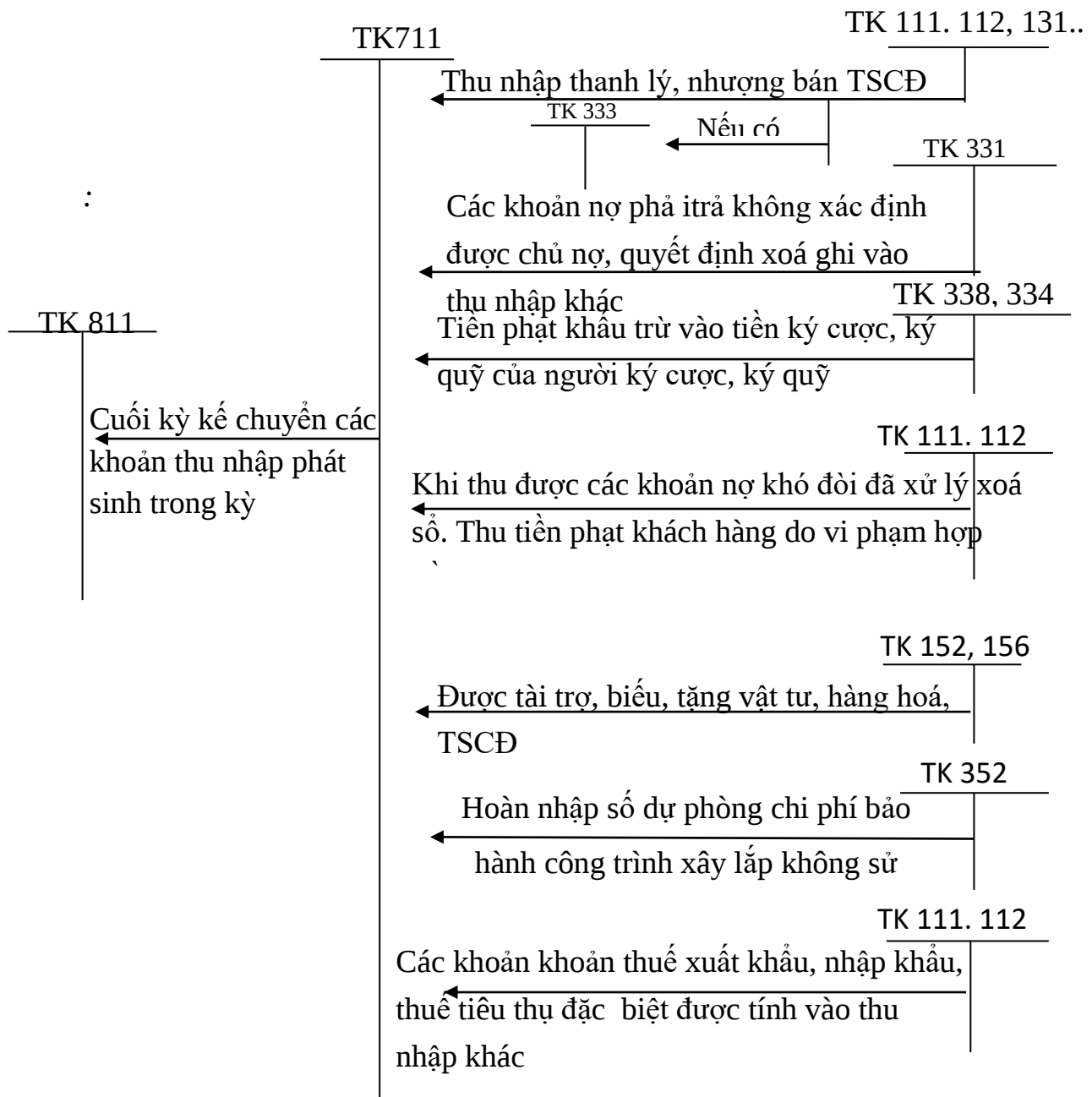
Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSD; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại; thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật các tổ chức cá nhân tặng cho DN, các thu nhập khác....

❖ *Kết cấu tài khoản:*

Nợ	TK 711	Có
- Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSD; - Chênh lệch lại do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản là thuê tài chính; - Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng - Thu nhập các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; - Một số khoản thuế được NSNN hoàn lại; - Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có); - Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; - Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.	

- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ *Trình tự hạch toán:*.



Sơ đồ 1.7. Trình tự hạch toán thu nhập khác

❖ Tài khoản 811 Chi phí khác

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗi do các sự kiện hoặc các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây nên, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ nếu có, tiền phạt vi phạm hợp

đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán....

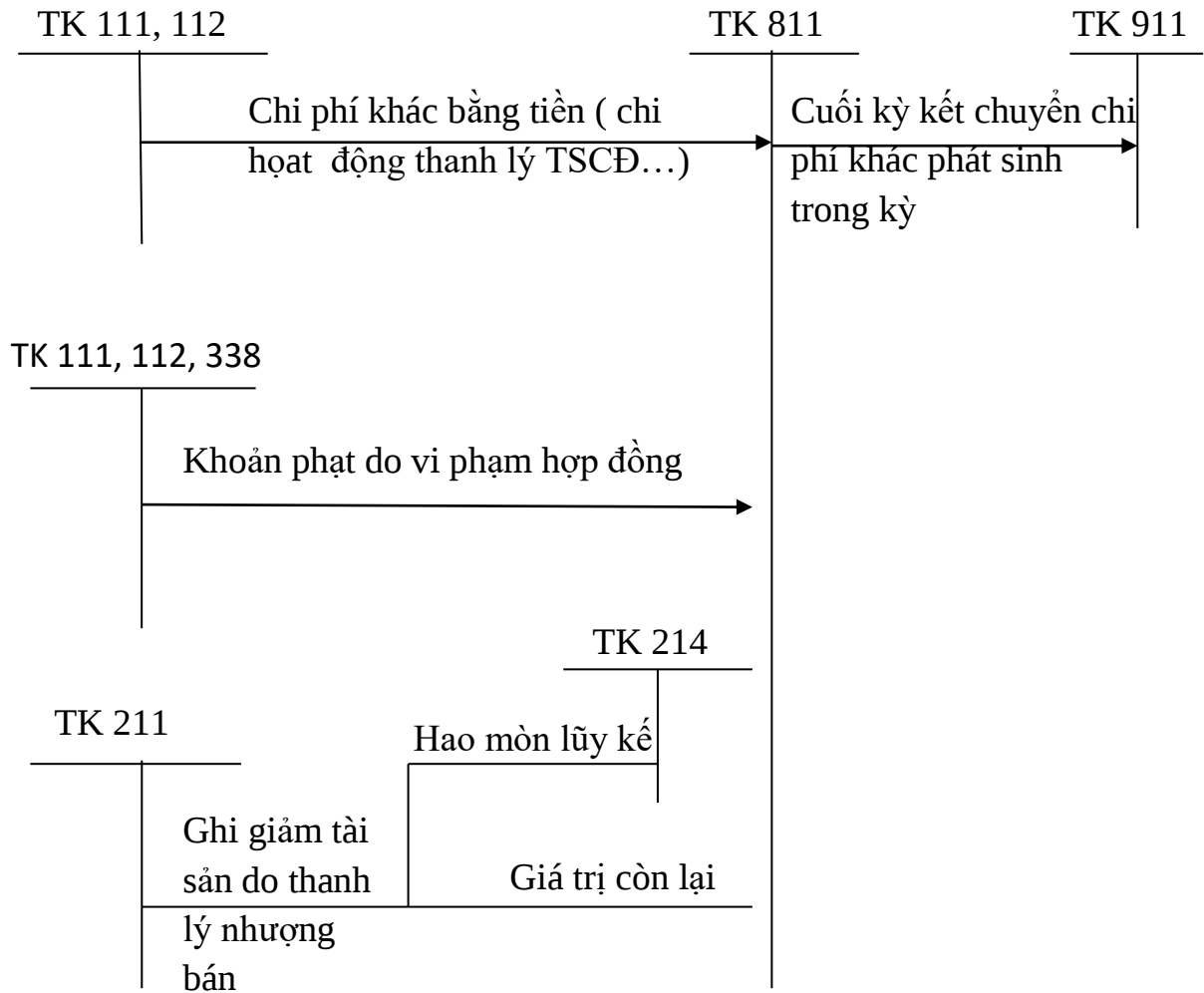
❖ *Kết cấu tài khoản:*

Kết chuyển các khoản chi phí phát sinh trong kỳ sang TK 911

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ. - Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ(nếu có) - Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác; - Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế; - Các khoản chi phí khác;		- Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

❖ *Trình tự hạch toán tài khoản:*



Sơ đồ 1.8. Trình tự hạch toán chi phí khác

1.5 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu kế toán

❖ *Tài khoản sử dụng:*

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

TK 421 có thể có số dư Nợ hoặc dư Có.

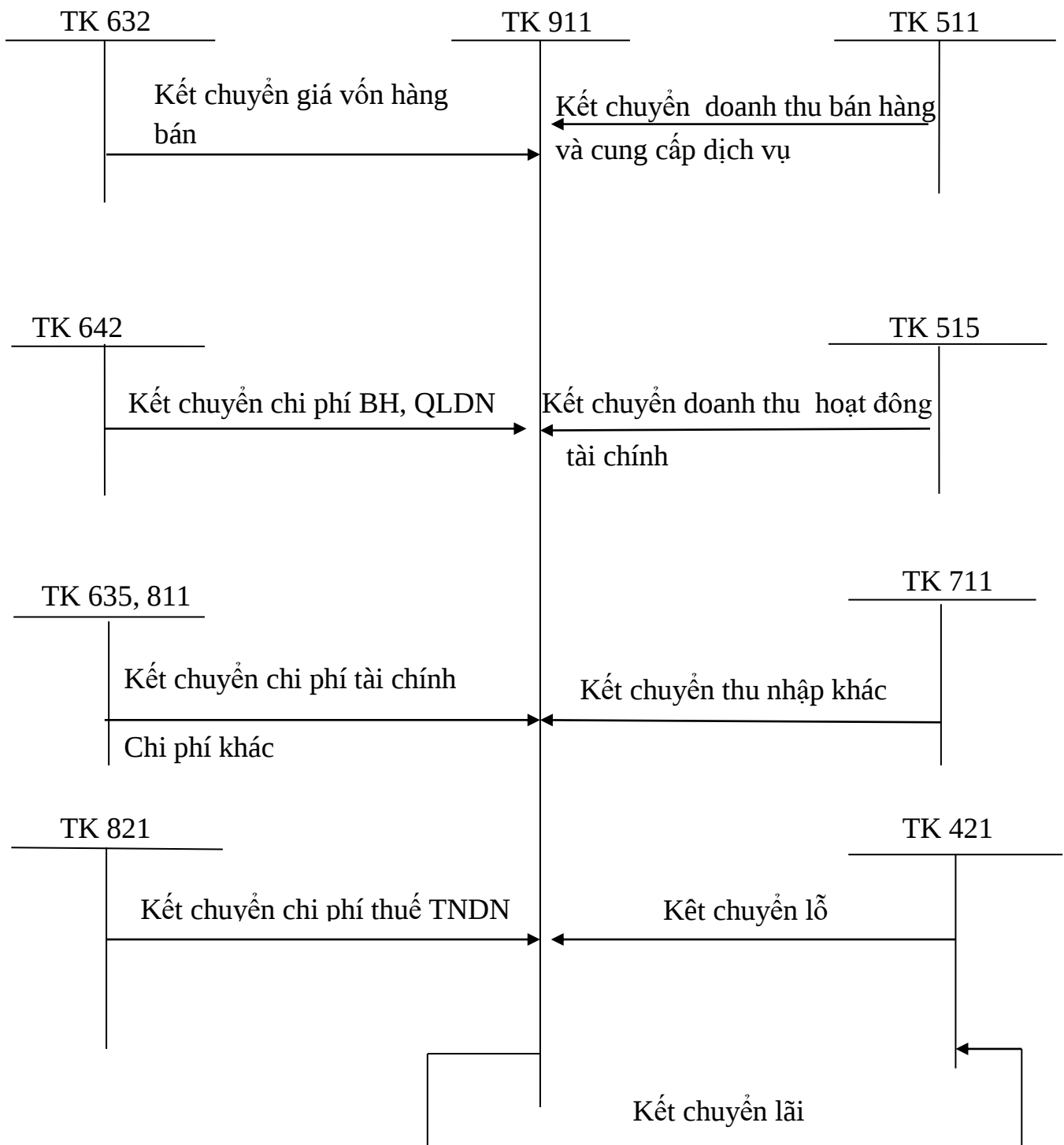
Số dư bên nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý .

Số dư bên có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

TK 421 có 2 TK cấp 2

- TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

❖ *Trình tự hạch toán:*



Sơ đồ 1.9. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.6. Các hình thức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh .

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Kế toán máy

❖ Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Sử dụng cho hầu hết các loại hình DN: SX – TM – DV – XD có quy mô vừa và nhỏ.

Quy trình ghi sổ:

Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi sổ NKC kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.

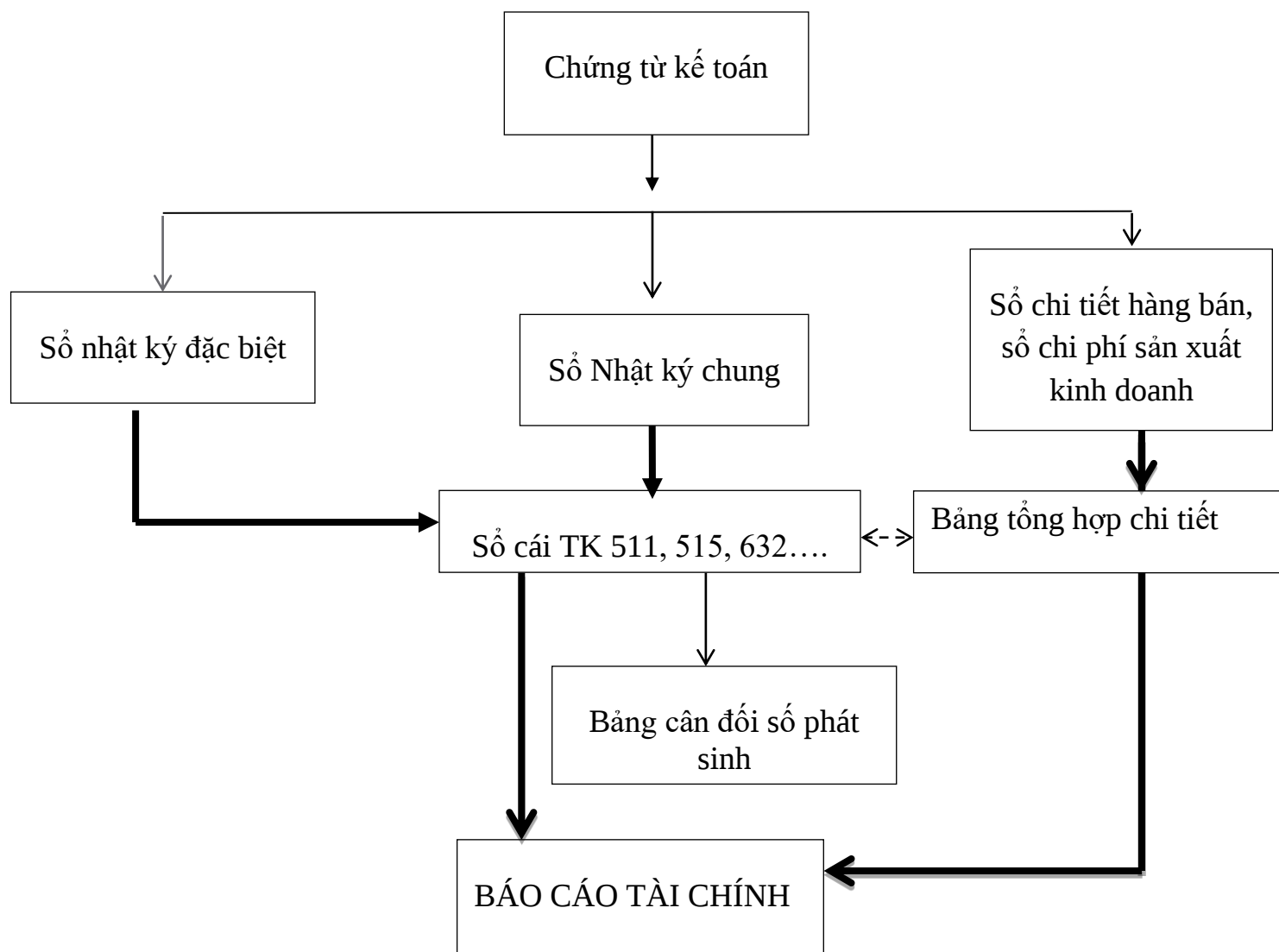
Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10 ... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Ưu điểm:

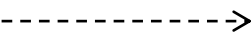
- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên Sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.
- + **Nhược điểm:** Lượng ghi chép nhiều.



Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

	Ghi hàng ngày
	Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
	Đối chiếu

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ THÉP PHÚ HƯNG.**

2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TNDV và Thép Phú Hưng.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

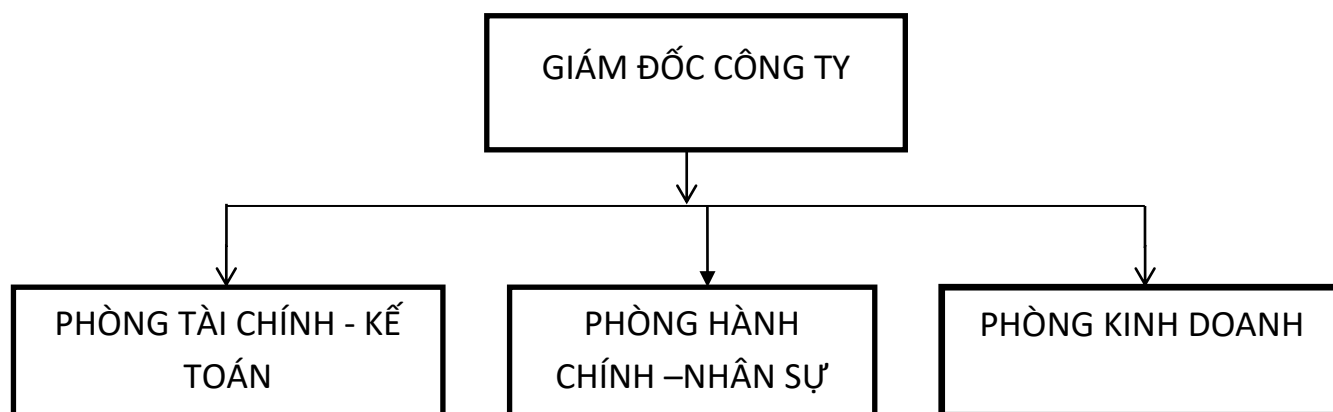
- ❖ *Tên giao dịch:* CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ THÉP PHÚ HƯNG
- ❖ *Số điện thoại:* 0313522856
- ❖ *Vốn điều lệ :* 5.000.000.000
- ❖ *Mã số thuế:* 0201179004
- ❖ *Người đại diện:* Giám đốc Đặng Quang Hưng
- ❖ *Lĩnh vực kinh doanh:* Thương mại dịch vụ, buôn bán thép
- ❖ *Ngành nghề kinh doanh:*
 - Gia công cơ khí
 - Buôn bán sắt thép

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng được thành lập vào ngày 07 tháng 06 năm 2011.

Là một doanh nghiệp trẻ được thành lập vào năm 2011, nhưng Công ty TNHH thương mại dịch vụ và thép Phú Hưng đã tạo được cho mình một vị thế có uy tín và vững chắc trong lĩnh vực kinh doanh, gia công các mặt hàng cơ khí trên thị trường thành phố Hải Phòng. Những năm qua, do nhận thấy tầm quan trọng cũng như tiềm năng của lĩnh vực kinh doanh cùng với chất lượng, giá cả phù hợp....công ty đã không ngừng phát triển

2.1.2 Sơ đồ tổ chức và đặc điểm kinh doanh của công ty

- ❖ Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ THÉP PHÚ HƯNG có bộ máy quản lý tổ chức tập trung gọn nhẹ. Đứng đầu là Giám đốc tiếp đến là phòng kế toán và các bộ phận.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ THÉP PHÚ HƯNG

❖ Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

Sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào việc khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực: vốn, cơ sở vật chất, tiến bộ khoa học kỹ thuật, người lao động, các yếu tố này có mối quan hệ mật thiết với nhau và tác động lại với nhau. Những yếu tố như: máy móc thiết bị, của cải vật chất, công nghệ kỹ thuật đều có thể mua được, học hỏi được, sao chép được, nhưng con người thì không thể. Vì vậy có thể khẳng định rằng doanh nghiệp có một bộ máy quản lý tốt sẽ mang lại hiệu quả công việc rất lớn. Qua sơ đồ trên ta thấy bộ máy nhân sự của công ty được sắp xếp trên cơ sở gọn nhẹ, hiệu quả với các phòng ban được phân cách rõ ràng phù hợp với công việc kinh doanh của công ty.

Giám đốc công ty

Là người đứng đầu công ty, đồng thời là người trực tiếp lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty qua bộ máy lãnh đạo của công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về mọi hoạt động đối nội và đối ngoại của công ty.

Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc về công tác bán các sản phẩm và dịch vụ của Công ty, công tác nghiên cứu & phát triển sản phẩm, phát triển thị trường; công tác xây dựng & phát triển mối quan hệ khách hàng. Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các hoạt động đó trong nhiệm vụ, thẩm quyền được giao..

Phòng Tài chính –Kế toán:

Tổ chức công tác hoạch toán kế toán và thực hiện công tác quản lý tài chính theo đúng hướng dẫn và các quy định của pháp luật hiện hành. Theo dõi sổ sách, tình hình thu chi quỹ tiền mặt, lập chứng từ kế toán và hạch toán kế toán tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động kinh doanh của công ty và tham mưu cho giám đốc, trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính –kế toán.

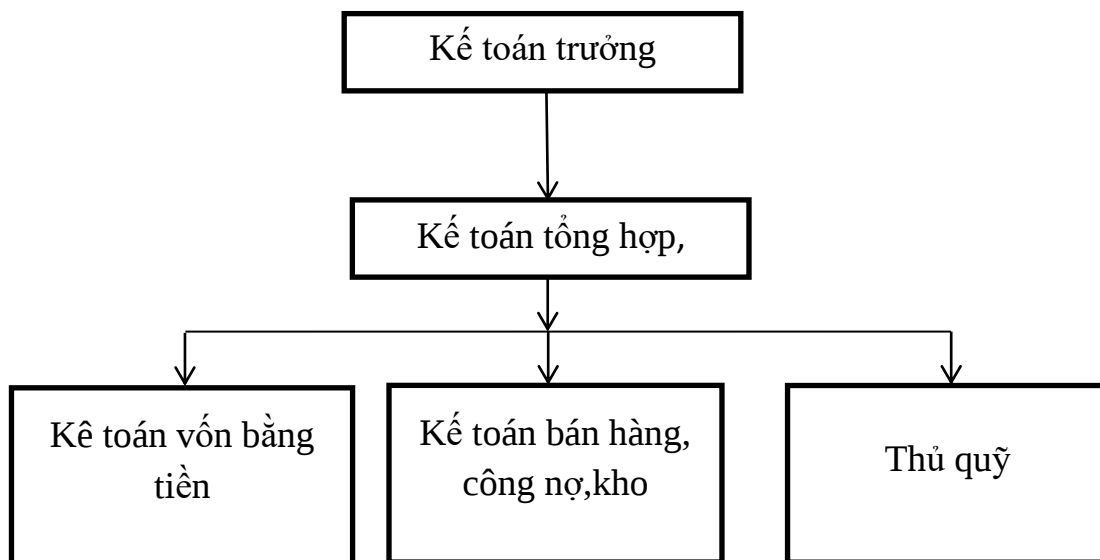
Phòng Hành chính – Nhân sự:

Có chức năng xây dựng các phương án kiện toàn bộ máy tổ chức của công ty, quản lý nhân sự, thực hiện công tác hành chính quản trị.

❖ **Tổ chức bộ máy kế toán.**

Bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Thép Phú Hưng .được tổ chức theo hình thức tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập trung đã giúp bộ máy kế toán của công tytiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

❖ **Chức năng của từng bộ phận:**

• **Kế toán trưởng:**

+ Là người được bổ nhiệm theo quyết định của giám đốc công ty.

+ Kế toán trưởng sẽ phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc và các cơ quan chức năng về các hoạt động tài chính, kế toán. Đồng thời Kế toán trưởng có quyền chỉ định, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong phòng kế toán.

- *Kế toán tổng hợp:*

+ Kiểm tra định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Kiểm tra sự chính xác giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp

+ Kiểm tra số dư cuối kì có hạch toán đúng và khớp với báo cáo chi tiết hay không.

+ Hạch toán thu nhập, chi phí khấu hao, TSCĐ, công nợ, thuế GTGT, báo cáo + thuế,...

+ Lập báo cáo tài chính theo từng tháng, quý, năm

+ Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định

- *Kế toán vốn bằng tiền*

+ Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt

+ Theo dõi dòng tiền vào, dòng tiền ra của công ty

+ Theo dõi việc thanh toán của khách hàng

- *Kế toán bán hàng và theo dõi công nợ:*

+ Theo dõi tình hình thanh toán của công ty với khách hàng

+ Đối chiếu công nợ của công ty với khách hàng

+ Thực hiện việc ghi chép sổ quỹ

+ Quản lý chứng từ, sổ sách liên quan đến thu, chi tiền mặt

+ Theo dõi vật tư nguyên liệu nhập xuất trong kho.

- *Thủ quỹ:*

Trực tiếp thu chi tiền mặt, tiếp nhận chứng từ ngân hàng theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng.

❖ ***Chính sách và phương pháp kế toán.***

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thép Phú Hưng áp dụng chế độ kế toán theo QĐ48/2006 QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành, chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các chứng từ, sổ sách kế toán đều tuân thủ theo đúng quy trình của nhà nước, lập theo mẫu sẵn của Bộ Tài chính ban hành.

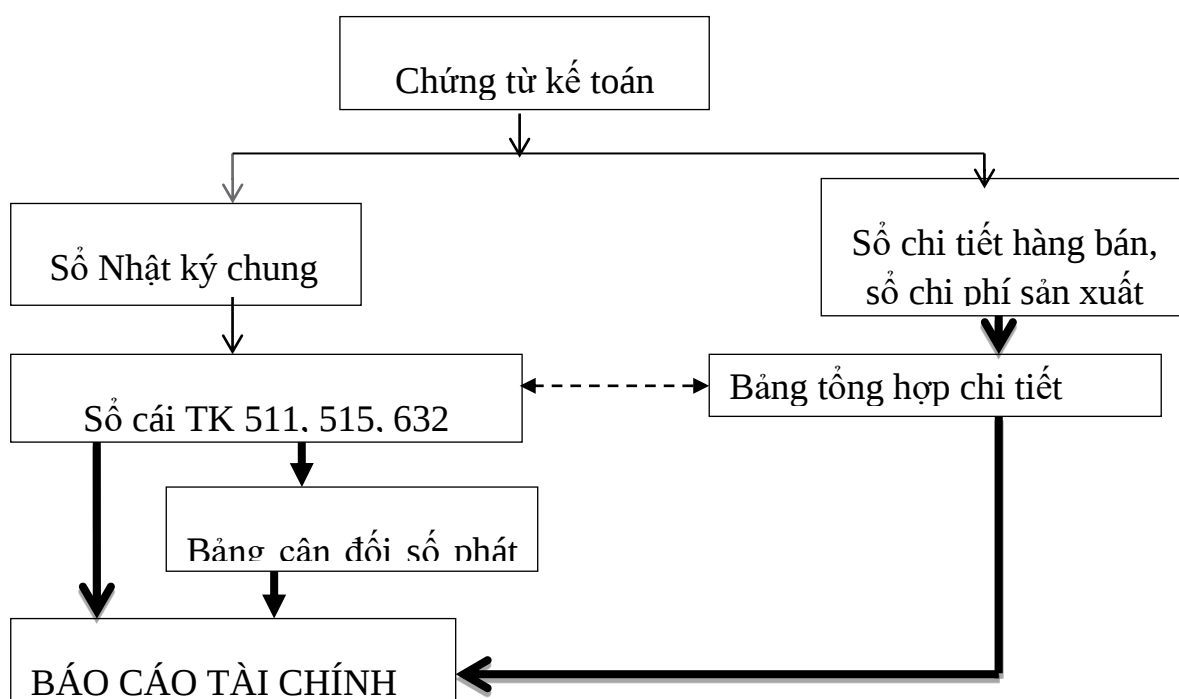
- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 đến ngày 31/12

- Đơn vị tiền tệ sử dụng(áp dụng trong năm kế toán): Việt Nam đồng

- Hình thức kế toán: Hình thức Nhật ký chung

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp nhập trước-xuất trước
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên
- Công ty áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán chi tiết hàng hóa: phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp khấu hao tài sản đang áp dụng: phương pháp khấu hao theo đường thẳng(năm)
- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Phân bổ chi phí đầu tư tài sản cố định
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: Doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ →

Kiểm tra, đối chiếu ← - - - - →

Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản

kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau :

Sổ nhật ký chung, Sổ cái

➤ Các sổ thẻ kế toán chi tiết

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Sổ Nhật ký chung.

2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng các loại vật tư,sắt,thép) nhưng đã được khách hàng chấp nhận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

- Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng là phương thức trực tiếp.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng),... và các chứng từ liên quan khác

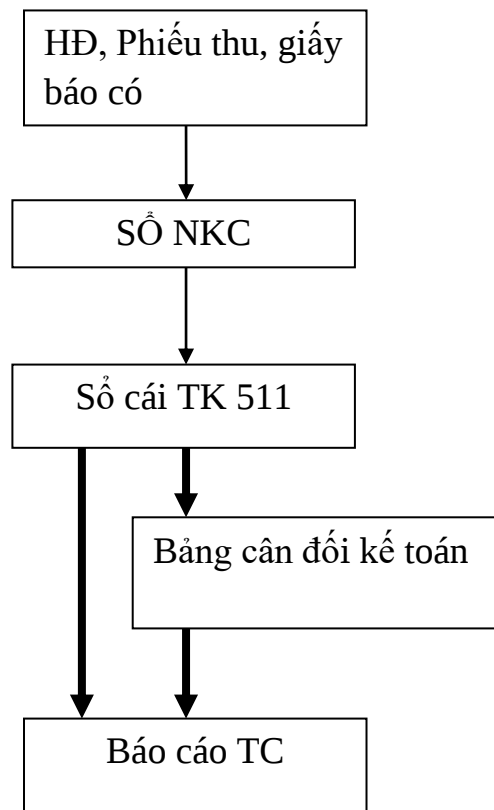
❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 511 “ Doanh thu bán hàng”
- Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan:
 - TK111, TK 112, TK 131, TK 3331

❖ Sổ kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511

❖ Trình tự hạch toán:



Chú thích:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ $\longrightarrow$

Ví dụ 1:

Ngày 17/03, bán 5.510,7 kg Thép tấm PL6x1500x6000 cho công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long theo HD số 0000236 ngày 17/03/2016, đơn giá 11.500 VNĐ/kg (chưa VAT 10%), đã thanh toán bằng chuyển khoản

Định khoản:

Nợ TK 112: 69.770.335

Có TK 511 63.373.050

Có TK 3331: 6.337.305

Căn cứ vào hóa đơn số 0000236 (biểu số 2.1), giấy báo có số 00248 (Biểu số 2.2). Từ đó kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.5) và sổ cái Tk 511 (biểu số 2.6)



PHU HUNG STEEL CO., LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT INVOICE
 Liên 1: Lưu (File)

Mẫu số: 01GKT3/001
 Ký hiệu: AA/13P
 Số: **0000236**

Ngày (date) 17 tháng (month) 03 năm (year) 2016

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ THÉP PHÚ HÙNG**
 Sale company: **PHU HUNG SERVICE TRADING AND STEEL CO., LTD.**

Mã số thuế/ Tax code: **0201179004**

Địa chỉ/ Address: **Số 10/861 Tôn Đức Thắng, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng**
 Điện thoại/ Tel: **84.31.3527960** Fax: **+84.31.3522856**

Số tài khoản / A/C No: **0031000.130585** - tại Ngân hàng(at bank): **TMCP ngoại thương CN Hải Phòng (Vietcombank)**

Họ tên người mua hàng/ Customer's name: _____
 Tên đơn vị/ Company Name: CÔNG TY TNHH MTV ĐỒNG VÀ SẮN CHUẨN TÀU THỊ LONG
 Mã số thuế/ Tax code: 0200109519 Hình thức thanh toán/ Payment: CK
 Địa chỉ/ Address: 88/108 Phan Đình Phùng, Phường Thái, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
 Số tài khoản/Account No: _____

STT No	Tên hàng hóa, dịch vụ Description	Đơn vị tính Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount 6 = 4 x 5
1	<u>Thép tấm PL6 x 1500 x 6000</u>	<u>Kg</u>	<u>5.510,7</u>	<u>11.500</u>	<u>63.373.050</u>
Cộng tiền hàng/Total:					<u>63.373.050</u>
Thuế suất GTGT/ Tax rate: <u>10</u> %					
Tiền thuế GTGT/ VAT amount:					<u>6.337.305</u>
Tổng cộng tiền thanh toán/ Grand total:					<u>69.710.355</u>

Số tiền viết bằng chữ/ Amount in words: Sáu mươi chín triệu, bảy trăm mười nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng.

Người mua hàng/ Buyer
(Ký, ghi rõ họ tên/
Signature, full name)

BÁN HÀNG
QUA ĐIỆN THOẠI

Người bán hàng/ Seller
(Ký, ghi rõ họ tên/
Signature, full name)

Phạm Văn Tuấn

Thủ trưởng đơn vị/ Director
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên/
Signature, stamp, full name)



Đặng Quang Hưng
GIÁM ĐỐC

Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn

VIETCOMBANK

Mã GDV: VXT

Chi nhánh: Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Mã KH: 24512

Ngày 17/03/2016

Số GD: 00248

Kính gửi: CÔNG TY TNHH TMDV VÀ THÉP PHÚ HÙNG

Mã số thuế: 0201179004

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách với nội dung sau

Số tài khoản ghi Có: 00031000.130585

Số tiền bằng số: 69.770.335

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng

Nội dung: Công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Ví dụ 2:

Ngày 01/08, Bán hàng cho Chi nhánh c.ty TNHH IHI Infrastructure Asia theo HĐ số 0000269 ngày 01/08/2016 đã thanh toán bằng tiền gửi số tiền 7.825.785

Định khoản:

Nợ TK 112: 7.825.785

Có TK 511: 7.114.350

Có TK 3331: 711.435

Căn cứ vào hóa đơn số 0000269 (biểu số 2.3), Giấy báo có 00754(biểu số 2.4)

Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung(biểu số 2.5), sổ cái tk 511(biểu số 2.6)



PHU HUNG STEEL CO. LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT INVOICE
 Liên 1: Lưu (File)

Mẫu số: 01GTKT3/001
 Ký hiệu: AA/13P
 Số: **0000269**

Ngày (date) 01 tháng (month) 08 năm (year) 2016.

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ THÉP PHÚ HUNG**
 Sale company: **PHU HUNG SERVICE TRADING AND STEEL CO., LTD.**

Mã số thuế/ Tax code: **0201179004**

Địa chỉ/ Address: Số 10/861 Tôn Đức Thắng, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
 Điện thoại/ Tel: 84.31.3527960 Fax: +84.31.3522856

Số tài khoản / A/C No: 0031000.130585 - tại Ngân hàng (at bank): TMCP ngoại thương CN Hải Phòng (Vietcombank)

Họ tên người mua hàng/ Customer's name:

Tên đơn vị/ Company Name: CHI NHANH CÔNG TY TNHH THI INFRASTRUCTURE ASIA

Mã số thuế/ Tax code: 0200858733 - 001 Hình thức thanh toán/ Payment: CK

Địa chỉ/ Address: Đoạn 4.2.1 Khu CN Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thuộc KKT Đình Vũ Cát Hải, TP. Hải Phòng

Số tài khoản/Account No:

STT No	Tên hàng hóa, dịch vụ Description	Đơn vị tính Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount
1	Xích Thép D3 x 300	Cái	02	60.000	120.000
2	Thép tấm PL3 x 1500 x 6000	Tô	03	2.331.450	6.994.350
Cộng tiền hàng/Total:					<u>7.114.350</u>
Thuế suất GTGT/ Tax rate: <u>10</u> %					Tiền thuế GTGT/ VAT amount: <u>711.435</u>
Tổng cộng tiền thanh toán/ Grand total:					<u>7.825.785</u>

Số tiền viết bằng chữ/ Amount in words: Bảy triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng

Người mua hàng/ Buyer
(Ký, ghi rõ họ tên/
Signature, full name)

**BÁN HÀNG
QUA ĐIỆN THOẠI**

Người bán hàng/ Seller
(Ký, ghi rõ họ tên/
Signature, full name)

Phạm Văn Tân

Thủ trưởng đơn vị/ Director
(Ký, ghi rõ họ tên/
Signature, stamp, full name)

Đặng Quang Hưng

GIÁM ĐỐC

Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn

Biểu số 2.4. Giấy báo có 00754

VIETCOMBANK

Mã GDV: VXT

Chi nhánh: Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Mã KH: 24512

Ngày 01/08/2016

Số GD: 00754

Kính gửi: CÔNG TY TNHH TMDV VÀ THÉP PHÚ HÙNG

Mã số thuế: 0201179004

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung sau

Số tài khoản ghi Có: 00031000.130585

Số tiền bằng số: 7.825.785

Số tiền bằng chữ: Bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng.

Nội dung: Chi nhánh Công ty TNHH IHI Infrastructure Asia

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.5. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG**Năm 2016****Đơn vị tính: VNĐ**

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	
17/03	HĐ0000236 GBC248	17/03	Thép tấm	112	69.770.335	
			PL6x1500x6000_	511		63.373.050
			MTV	3331		6.337.305
...		...	...	...	...	...
04/07	HĐ0000264	04/07	Bán thép tấm cho Cơ	131	46.155.004	
			điện XD Hải Dương	511		41.959.095
				3331		4.195.909
...	...	...	...	...	...	...
01/08	HĐ0000269 GBC00754	01/08	Bán hàng cho chi	112	7.825.78	
			nhánh công ty TNHH	511		7.114.350
			IHI Infrastructure Asia	3331		711.435
...		...	...	...	...	
			Tổng cộng		205.208.796.993	205.208.796.993

Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...		...	...	...
17/03	HĐ0000236	17/03	Thép tấm PL6x1500x6000_ MTV	112		63.373.050
...	...	...	...	...	...	...
01/08	HĐ0000269	05/04	Bán hàng cho chi nhánh công ty TNHH IHI Infrastructure Asia	112		7.114.350
...	...	...		...		
31/12	PKT393	31/12	KCDTBH và CCDV	911	17.930.966.797	
			Cộng số phát sinh		17.930.966.797	17.930.966.797
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

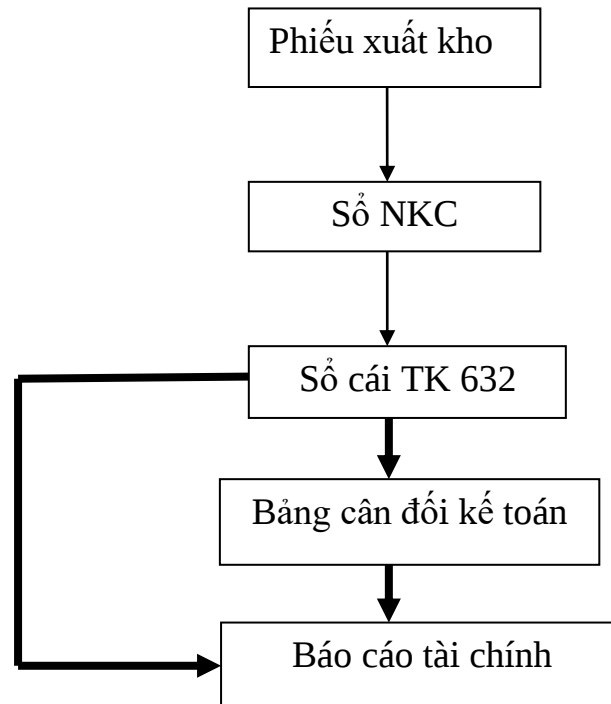
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

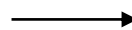
2.1.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu xuất kho
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Sổ kết toán sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 632
- ❖ Trình tự hạch toán



Chú thích:

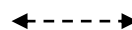
Ghi hàng ngày



Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ



Đối chiếu



Ví dụ 1:

Ngày 17/03, bán 5.510,7 kg Thép tấm PL6x1500x6000 cho công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long theo HĐ số 0000236 ngày 17/03/2016, đơn giá 11.500 VNĐ/kg (chưa VAT 10%), đã thanh toán bằng chuyển khoản. Kế toán tiến hành xác định đơn giá xuất kho rồi lập phiếu xuất kho số 030 (biểu số 2.7)

Để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước – xuất trước

Công ty xác định đơn giá xuất kho như sau:

- Đầu kỳ tồn: 5.350 kg đơn giá 9.500 VNĐ/kg
- Ngày 19/2 nhập: 423,9 kg đơn giá 9.000 VNĐ/kg theo hóa đơn 0006632 của công ty TM Hùng Nguyên

Trị giá xuất kho của thép PL6x1500x6000 :

$$5.350 \times 9.500 + 160,7 \times 9.000 = 52.271.300$$

Định khoản

Nợ 632: 52.271.300

Có 156: 52.271.300

Biểu đồ 2.7. Phiếu xuất kho số 030

Đơn vị: Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

Địa chỉ: Số 10/861 Tôn Đức Thắng, HB, HP

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 17 tháng 03 năm 16

Số: 030

Nợ: 632

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Đức Trí

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất kho tại: Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép tấm PL 6x1500x6000		kg	5.510,7	5.350	9.500	50.825.000
					160,7	9.000	1.446.300
	Cộng	x	x	5.510,7	5.510,7		52.271.300

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Năm mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn ba trăm đồng**

Số chứng từ gốc kèm theo: ,

Ngày 17 tháng 03 năm 2016

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8 Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG**Năm 2016***Đơn vị tính: VNĐ*

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	
14/03	HD0000235	14/03	Bán thép các loại_ Hải Long	131	697.376.044	
				511		633.978.222
				3331		63.397.822
...	...	...	..	...	...	...
17/03	P XK30	17/03	Bán thép tấm PL 6x1500x6000 cho MTV	632	52.271.300	
				156		52.271.300
04/07	HĐ0000264	04/07	Bán thép tấm cho Cơ điện XD Hải Dương	131	46.155.004	
				511		41.959.095
				3331		4.195.909
...		...	...	...	...	
			Tổng cộng		205.208.796.993	205.208.796.993

Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
632- Giá vốn hàng bán
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...		...	...	...
17/03	PXK030	17/03	Bán hàng theo HĐ0000236	156	52.271.300	
...	...	...	...	...	...	...
30/05	PXK069	30/05	Bán hàng theo HĐ0000253	156	296.048.700	
...	...	...		...		
31/12	PKT394	31/12	KC xác định KQKD	911		16.862.111.758
			Cộng p/s trong năm		16.862.111.758	16.862.111.758
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

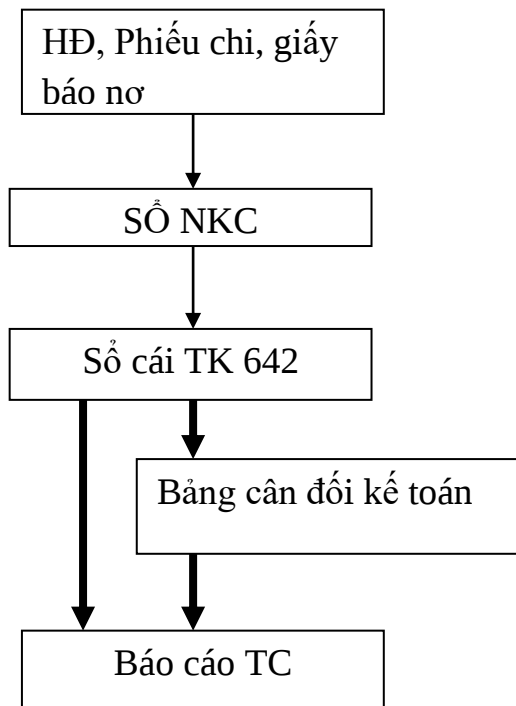
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

2.2.1.3. Kế toán Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng.
 - Phiếu chi.
 - Hóa đơn GTGT.
 - Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...
- ❖ Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.
 - TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
 - Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan.
- ❖ Trình tự hạch toán:



Ví dụ 1 :

Ngày 05/10, thanh toán cước điện thoại tháng 9/2016 công ty Phú Hưng là 209.498đ, VAT 10%. Căn cứ vào hóa đơn kế toán

Định khoản

Nợ TK 642: 190.543

Nợ TK 1331: 19.045

Có TK 111: 209.498

Căn cứ vào hóa đơn số 0513121 (biểu số 2.10) phiếu chi 0130 (biểu số 2.11)

Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung(biểu số 2.14), sổ cái tk 642(biểu số 2.15)

VNPT

Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 10/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) giai đoạn 2014-2015, chủ thể thực hiện hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông giữa Viễn thông Hải Phòng và Quý khách hàng được chuyển giao cho Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông.

Đơn vị thu cước: **TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - HẢI PHÒNG**
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Trụ sở chính: Số 4 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 0031000258888 tại NH TMCP Ngoại thương VN - CN Hải Phòng 2100201337085 tại NH Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Hải Phòng

Điện thoại: 031.800126 - Fax: 031.3844155

- Gọi 18001166 (miễn phí) để Trung tâm Kinh doanh VNPT - Hải Phòng được cung cấp dịch vụ và phục vụ quý khách hàng

- Kể từ ngày nhận được thông báo này Quý khách vui lòng thanh toán cho Trung tâm Kinh doanh VNPT - Hải Phòng trong vòng 7 ngày.

- Sau 2 ngày, kể từ ngày thanh toán cước viễn thông, Quý khách truy cập [www.vnpthaiphong.vn](http://vnpthaiphong.vn) để tra cứu và nhận hoá đơn điện tử.

- Mẫu số: 01GKTQ/001 - Ký hiệu: AB/16E Số: 0513121

- Phát hành ngày: 05 tháng 10 năm 2016

BẢN TỔNG HỢP CƯỚC VIỄN THÔNG

Kỳ cước tháng 09 năm 2016

1800.11666
Tổng đài bán hàng của VNPT trên toàn quốc

Tỷ giá: 21949VND/1USD To 1/1

Quý khách: Cty TNHH Tm Dịch Vụ Và Thép Phú Hùng

Địa chỉ: 457, Đường 5 Cũ, Hùng Vương, Hồng Bàng

Mã KH: HPG-01-487187(T987H_AHAI_20-225-202) - ĐTNV: 0919188661

Số đại diện: 919286139

Tổng (VND): 209 498

Bằng chữ: Hai trăm linh chín nghìn, bốn trăm chín

Trong đó: mười tám đồng

Tiền phát sinh: 190 453

Trừ tiền đa DV + chiết khấu: 0

Khuyến mại: 0

Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Tiền thừa: 0

Thuế GTGT: 19 045

VNPT

STT: 0020668

Mã số thuế: 0 1 0 6 8 6 9 7 3 8 - 0 5 6

Trung tâm Kinh doanh VNPT - Hải Phòng, Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Tên khách hàng (Customer's name): Cty TNHH Tm Dịch Vụ Và Thép Phú Hùng

Địa chỉ (Address): 457, Đường 5 Cũ, Hùng Vương, Hồng Bàng

Số điện thoại (Tel): 919286139 Mã số (code): HPG-01-487187(T987H_AHAI_20-225-202)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK MST: 0 2 0 1 1 7 9 0 0 4

GIẤY BIÊN NHẬN THANH TOÁN

BNTT

Ký hiệu: AB/16E

Số: 0513121



01487187092016

STT(No.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	DVT(UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4X5
	Kỳ cước tháng: 09/2016				190.453
	a. Cước dịch vụ Viễn thông				0
	b. Cước dịch vụ Viễn thông không thuế:				0
	c. Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ				0
(a+b-c-d)					Cộng tiền dịch vụ (Total) (1): 190.453
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (a) =					Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2): 19.045
(1+2-e)					Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2): 209.498

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai trăm linh chín nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng

Ngày: 05 tháng 10 năm 2016

Nhân viên thu tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Biên nhận này xác nhận khách hàng đã thanh toán cho Trung tâm Kinh doanh VNPT - Hải Phòng

Để biết thêm chi tiết hoặc cần sự hỗ trợ quý khách vui lòng truy cập website: <http://vnpthaiphong.vn>

Hoặc liên hệ Tổng đài chăm sóc khách hàng (031) 800126

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02 -TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 10 năm 2016

Số: PC0130

Nợ 642:190.543

Nợ 133: 19.054

Có 111: 209.498

Người nhận tiền: Phạm Thị Dinh

Địa chỉ: Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

Lý do chi: Thanh toán cước điện thoại tháng 9/2016

Số tiền: 209.498

(Viết bằng chữ): ***Hai trăm linh chín nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng.***

Ngày 05 tháng 10 năm 2016

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng
dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Ví dụ 2:

Ngày 29/12, công ty thanh toán chi phí tiếp khách cho doanh nghiệp tư nhân Tân Vạn Vân

Định khoản

Nợ TK 642: 15.721.000

Nợ TK 133: 1.572.100

Có TK 111: 17.293.100

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000547(biểu đồ số 2.12), kế toán tiến hàng lập phiếu chi số 0153(biểu số 2.13), sau đó tiến hành ghi sổ NKC(biểu số 2.14). sổ cái tài khoản 642 (biểu số 2.15).

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/002
Ký hiệu: VV/15P
Số: **0000547**

Liên 2: Giao cho người mua
Ngày 29 tháng 12 năm 2016

VND
VND
VND

Đơn vị bán hàng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÂN VẠN VÂN**
Số thuế: **0200849457**
Địa chỉ: **Số 8 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Điện thoại: _____

Tên người mua hàng: _____
Đơn vị: **Công Ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng**
Địa chỉ: **Số 10/861 Đường Đại Lộ Tôn Đức Thắng Phường Sở Dầu Quận Hồng Bàng TP Hải Phòng**

Loại khoản: _____
Hình thức thanh toán: **TM** Mã số thuế: **0201179004**

Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	3	4	5	6=4x5
Tiếp khách ăn uống				15.721.000
Cộng tiền hàng:				15.721.000
Thuế suất GTGT: 10 %; Tiền thuế GTGT:				1.572.100
Tổng cộng tiền thanh toán:				17.293.100
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu hai trăm chín ba nghìn một trăm đồng				
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)				

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
Đã kiểm tra

Hải Phòng - In tại Công ty Cổ phần In Hà Nội - 93 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: 04 3943 7063 - MST: 0101181842

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02 -TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 12 năm 2016

Số: PC0153

Nợ 642:15.721.000

Nợ 133: 1.572.100

Có 111:17.293.100

Người nhận tiền: Phạm Văn Khanh

Địa chỉ: Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

Lý do chi: Thanh toán chi phí tiếp khách

Số tiền: **17.293.100**

(Viết bằng chữ: **Mười bảy triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm đồng.**

Ngày 29 tháng 12 năm 2016

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng
dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	
05/10	HĐ0513121 – PC0130	05/10	Thanh toán cước điện thoại	642	190.453	
				133	19.045	
				111		209.498
25/11	HĐ0000739- PC0142		Thanh toán cước vận chuyển	642	3.200.000	
				133	320.000	
				111		3.520.000
...		...	...	...	...	...
04/07	HĐ0000264	04/07	Bán thép tấm cho Cơ điện XD Hải Dương	131	46.155.004	
				511		41.959.095
				3331		4.195.909
...	...	...	...	...	...	...
29/12	HDD-PC0153	29/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	642	15.721.000	
				133	1.572.100	
				111		17.293.100
...		...	...	...	...	
			Tổng cộng		205.208.796.993	205.208.796.993

Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15. Trích sổ cái

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
642- Chi phí quản lý kinh doanh
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...		...	...	...
05/10	PC0130	05/10	Thanh toán cước điện thoại	111	190.453	
...	...	...	...	...	...	...
01/08	PC0142	05/04	Thanh toán cước vận chuyển	111	3.200.000	
...	...	...		...		
29/12	PC0153	29/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	111	15.721.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT394	31/12	KCDTBH và CCDV	911		1.024.732.633
			Cộng số phát sinh		1.024.732.633	1.024.732.633
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Thép Phú Hưng.

Hoạt động của công ty chủ yếu chú trọng vào dịch vụ vận tải nên Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh. Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng cho khoản vay dài hạn và phí tiền gửi

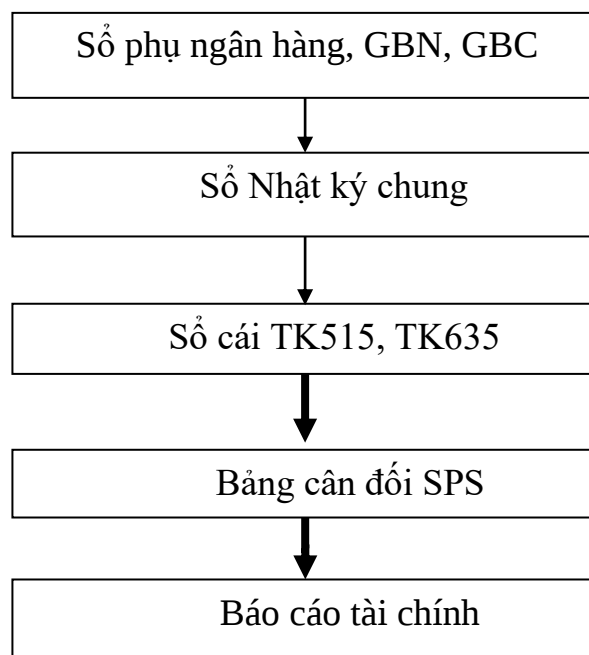
❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ kế toán sử dụng

- Sổ cái TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
- TK 635 – Chi phí tài chính

❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày:



Ghi cuối năm:



Ví dụ 1:

Ngày 25/11 Công ty nhận giấy báo có thông báo lãi tiền gửi ngân hàng Vietcombank, số tiền 171.527 đồng bằng chuyển khoản.

Định khoản

Nợ: TK 112: 171.527

Có TK 515: 171.527

Căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng Vietcombank (biểu số 2.16). Kế toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.19) từ nhật ký chung vào sổ cái (biểu số 2.20). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu đồ số 2.16. Giấy báo có 01004

VIETCOMBANK		Mã GDV:VXT
Chi nhánh: Hải Phòng	GIẤY BÁO CÓ	Mã KH: 24512
	Ngày 25/11/2016	Số GD: 01004
Kính gửi: CÔNG TY TNHH TMDV VÀ THÉP PHÚ HÙNG		
Mã số thuế: 0201179004		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung sau		
Số tài khoản ghi Có: 00031000.130585		
Số tiền bằng số: 171.527		
Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm hai mươi bảy đồng		
Nội dung: Lãi tiền gửi tháng 11/2016		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT

Ví dụ 2:

Ngày 31/12/2016, Công ty trả tiền lãi vay Ngân hàng Vietcombank số tiền 1.050.000 tháng 12 năm 2016

Căn cứ vào Bảng kê tiền lãi vay tháng 12, GBN và các chứng từ khác có liên quan như phiếu chi, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Định khoản

Nợ TK 635:1.050.000

Có TK 112:1.050.000

Căn cứ vào Giấy báo Nợ của ngân hàng Vietcombank (biểu số 2.17).bảng kê tiền vay (biểu đồ 2.18) Kế toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.20) từ nhật ký chung vào sổ cái 635(biểu số 2.21). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu đồ số 2.17. Giấy báo có 01305

VIETCOMBANK	Mã GDV:VXT
Chi nhánh: Hải Phòng	GIẤY BÁO NỢ
	Mã KH: 24512
Ngày 31/12/2016	Số GD: 01305
Kính gửi: CÔNG TY TNHH TMDV VÀ THÉP PHÚ HƯNG	
Mã số thuế: 0201179004	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách với nội dung sau	
Số tài khoản ghi Có: 00031000.130585	
Số tiền bằng số: 1.050.000	
Số tiền bằng chữ: Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng.	
Nội dung: Trả lãi tiền vay tháng 12/2016	
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT

Biểu số 2.18. Bảng kê tiền vay

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG KÊ TIỀN LÃI VAY

Tháng 12 năm 2016

Lãi suất ngân hàng thương mại

Ngày tháng	Phát sinh	Số dư nợ	Thời gian chịu lãi	Số ngày	Lãi suất	Thành tiền
01/12/2016		84.000.000	01/12/16-> 31/12/16	30	1.25%	1.050.00
			Cộng			1.050.000

Cộng

1.050.000

(Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.)

Phòng Tài chính – Kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	
05/10	HĐ0513121 – PC0130	05/10	Thanh toán cước điện thoại	642	190.453	
				133	19.045	
				111		209.498
25/11	GBC01004	25/11	Nhận lãi tiền gửi T11	112	171.527	
				511		171.527
...		...	...	...	...	...
31/12	GB01305	31/12	Trả lãi tiền vay tháng 12/2016	635	1.050.000	...
				112		1.050.000
			Tổng cộng		205.208.796.993	205.208.796.993

Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
515- Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...		...	...	...
...	...	...	...	...	...	...
25/11	GBC01004	25/12	Nhận lãi tiền gửi T12	112		171.527
...	...	...		...		
25/12	GBC01273	25/12	Nhận lãi tiền gửi T12	112		181.624
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT393	31/12	KCDTBH và CCDV	911	3.754.917	
			Cộng số phát sinh		3.754.917	3.754.917
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)		

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
635- Chi phí hoạt động tài chính
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...		...	...	...
...	...	...	...	...	...	...
31/11	GBN01052	31/11	Chi phí tiền vay tháng 12/2016	112	1.153.000	
...	...	...		...		
31/12	GBN01305	31/12	Trả lãi tiền vay tháng 12/2016	112	1.050.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT394	31/12	KCDTBH và CCDV	911	112.865.178	
			Cộng số phát sinh		112.865.178	112.865.178
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí khác tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Thép Phú Hưng.

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo có
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Sổ kế toán sử dụng
 - Sổ cái TK 711 – Doanh thu khác
 - Sổ cái TK 811 – Chi phí khác.

Ví dụ 1:

Cuối năm kế toán hạch toán công nợ, Thu được khoản nợ khó đòi đã xử lý 2 năm trước 1.055.297 bằng tiền mặt

Định khoản:

Nợ TK 111: 1.005.297

Có TK 711: 1.005.297

Kế toán lập phiếu thu số PT0163(biểu đồ số 2.22), ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.24), từ sổ nhật ký chung ghi sổ cái TK 711 (biểu số 2.25)

Ví dụ 2:

Ngày 4/12/2016 Chuyển tiền gửi ngân hàng nộp phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế 2.000.000 VNĐ

Định khoản

Nợ TK 811: 2.000.000

Có TK 112: 2.000.000

Căn cứ giấy báo nợ 01248 (biểu số 2.23), ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.24), từ sổ nhật ký chung ghi sổ cái TK 811 (biểu số 2.26)

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02 -TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: PC0163

Nợ 111.1.005.297

Có 711:1.005.297

Người nhận tiền: Phạm Văn Khanh

Địa chỉ: Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

Lý do thu: Thu được khoản nợ khó đòi

Số tiền: **1.005.297**

(Viết bằng chữ: **Một triệu, không trăm linh năm nghìn, hai trăm chín mươi
bảy đồng**)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

VIETCOMBANK		Mã GDV:VXT
Chi nhánh: Hải Phòng	GIẤY BÁO NỢ	Mã KH: 24512
	Ngày 4/12/2016	Số GD: 01248
Kính gửi: CÔNG TY TNHH HAPACO H.P.P		
Mã số thuế: 0201179004		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung sau:		
Số tài khoản ghi NỢ: 0031000130585		
Số tiền bằng số: 2.000.000		
Số tiền bằng chữ: Hai triệu đồng.		
Nội dung: Rút tiền		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT

Biểu số 2.24. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG**Năm 2016*****Đơn vị tính: VNĐ***

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	
05/10	HD05131	05/10	Thanh toán cước điện thoại	642	190.453	
	21 –			133	19.045	
	PC0130			111		209.498
4/12	GBN012 48	4/12	Rút TGNH thanh toán phí vi phạm hợp đồng	811	2.000.000	
				112		2.000.000
...		...	...	...	...	...
31/12	PT0163	31/12	Thu được khoản phải thu khó đòi	111	1.005.297	...
				711		1.005.297
			Tổng cộng		205.208.796.993	205.208.796.993

Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**711 – Thu nhập khác****Năm 2016*****Đơn vị tính: VNĐ***

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PT0163	25/12	Thu được khoản phải thu khó đòi	111		1.005.297
31/12	PKT395	31/12	KCDTBH và CCDV	911	1.005.297	
			Cộng số phát sinh		1.005.297	1.005.297
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**811 – Chi phsi khác****Năm 2016***Đơn vị tính: VNĐ*

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...		...	...	...
04/12	GBC01248	04/12	Rút TGNH thánh toán vi phạm hợp đồng	112	2.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT396	31/12	KCDTBH và CCDV	911		10.312.174
			Cộng số phát sinh		10.312.174	10.312.174
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

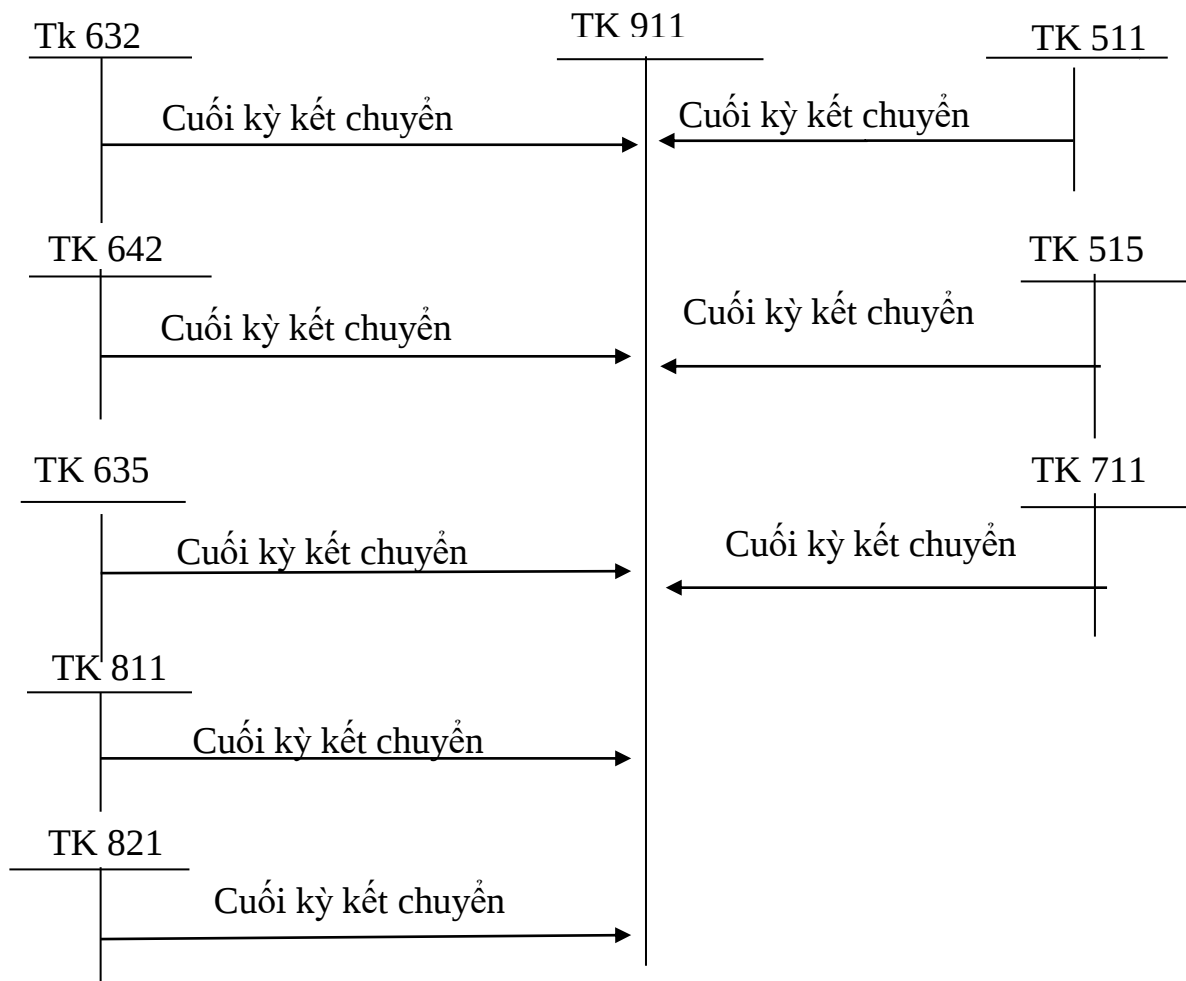
❖ Sổ kế toán sử dụng

- Sổ cái TK 911

- Sổ cái TK 821

- Sổ cái TK 421

❖ Trình tự hạch toán:



Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 393, 394, 395, 396, 397 (**Biểu số 2.27, 2.28, 2.29, 2.30, 2.31**)

Từ Phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.32**) sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh sổ cái TK 911 (**Biểu số 2.33**),

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201179004

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 393

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	17.930.966.797
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3.754.917
	Cộng			17.934.721.714

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201179004

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 394

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn	632	911	16.862.111.758
2	Kết chuyển chi phí QLDN	642	911	1.024.732.633
3	Kết chuyển chi phí tài chính	635	911	112.865.178
	Cộng			17.999.709.569

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Biểu số 2.29: Phiếu kế toán

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201179004

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 395

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	1.005.297
	Cộng			1.005.297

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Biểu số 2.30: Phiếu kế toán

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201179004

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 396

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí khác	811	911	10.312.174
	Cộng			10.312.174

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Biểu số 2.31: Phiếu kế toán

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201179004

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 397

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	421	911	74.294.732
	Cộng			74.294.732

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Biểu số 2.32. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2016**

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
								
31/12	PKT393	31/12	Kết chuyển doanh thu			511	17.930.966.797	
31/12	PKT393	31/12	Kết chuyển doanh thu			911		17.930.966.797
31/12	PKT393	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515	3.754.917	
31/12	PKT393	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911		3.754.917
31/12	PKT394	31/12	Kết chuyển giá vốn			911	16.862.111.758	
31/12	PKT394	31/12	Kết chuyển giá vốn			632		16.862.111.758
31/12	PKT394	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh			911	1.024.732.633	
31/12	PKT394	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh			642		1.024.732.633
31/12	PKT394	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			911	112.865.178	
31/12	PKT394	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			635		112.865.178
31/12	PKT395	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			711	1.005.297	
31/12	PKT395	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			911		1.005.297
31/12	PKT396	31/12	Kết chuyển chi phí khác			911	10.312.174	
31/12	PKT396	31/12	Kết chuyển chi phí khác			811		10.312.174
31/12	PKT397	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối			421	74.294.732	
31/12	PKT377	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối			911		74.294.732
			Cộng chuyển trang sau				205.208.796.993	205.208.796.993

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Biểu số 2.33. Trích sổ cái

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng
Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI**Năm 2016****Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh****Số hiệu: 911**

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Số trang	Số TT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D			E	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12	PKT393		Kết chuyển doanh thu, bán hàng			511		17.930.966.797
31/12	PKT393	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		3.754.917
31/12	PKT394	31/12	Kết chuyển giá vốn			632	16.862.111.758	
31/12	PKT394	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN			642	1.024.732.633	
31/12	PKT394	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			635	112.865.178	
31/12	PKT395	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			711		1.005.297
31/12	PKT396	31/12	Kết chuyển chi phí khác			811	10.312.174	
31/12	PKT397	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối			421		74.294.732
			Công lũy kế từ đầu năm				18,010,021,743	18,010,021,743
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Biểu số 2.34

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

Địa chỉ: Số 10/861 Tôn Đức Thắng, HB, HP

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	17.930.966.797	12.286.716.849
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		17.930.966.797	12.286.716.849
4. Giá vốn hàng bán	11		16.862.111.758	10.642.274.791
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		1.068.855.039	1.644.442.058
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.754.917	5.866.255
7. Chi phí tài chính	22		112.865.178	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.354.362	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.024.732.633	1.612.762.716
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}	30		(64.987.855)	37.545.597
10. Thu nhập khác	31		1.005.297	0
11. Chi phí khác	32		10.312.174	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		(9.306.877)	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(74.294.732)	37.545.597
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	7.509.119
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		0	30.036.478

Lập, ngày 02 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV VÀ THÉP PHÚ HƯNG

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Vì vậy việc nâng cao công tác quản lý, cung cấp thông tin kịp thời, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV VÀ Thép Phú Hưng là rất quan trọng.

Doanh nghiệp tư nhân Dương Hoàng là một doanh nghiệp lâu năm, trong quá trình phát triển ban lãnh đạo của công ty đã đi tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm. Để có những kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học và chặt chẽ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau:

- Về công tác quản lý:

- + Đội ngũ cán bộ, công nhân của công ty chăm chỉ, năng động, ham học hỏi, có trình độ đặc biệt là bộ máy lãnh đạo, luôn quan tâm đến các cá nhân trong công ty.
- + Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty dễ dàng hoạt động, quản lý.

- Về công tác kế toán

- + Bộ máy kế toán công ty gọn nhẹ, phân công công việc rõ ràng, mỗi người phụ trách một mảng riêng đảm bảo công việc nhưng vẫn phối hợp rất ăn ý và chặt chẽ.
- + Các kế toán thường xuyên kiểm tra đối chiếu sổ sách, số liệu để kịp thời theo dõi các hoạt động của công ty.

- Về hệ thống chứng từ, sổ sách

- + Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung, đây là hình thức kế toán phổ biến và đơn giản trong việc quản lý nhưng lại phù hợp với mô hình của công ty.
- + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên giúp kế toán dễ dàng quản lý tình hình Nhập- Xuất- Tồn hàng hóa.

- Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

+ Về hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo chính xác với nguyên tắc ghi nhận doanh thu chi phí.

+ Về hạch toán chi phí: Các chi phí phát sinh như quản lý kinh doanh được hạch toán đầy đủ và kịp thời

+ Về hạch toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối năm, công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán bán hàng tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

Thứ nhất, về hệ thống sổ sách hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán: Hiện tại, về việc hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán, kế toán chỉ sử dụng 2 sổ cái TK 511 và sổ cái TK632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho các tài khoản này.

Do vậy việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được doanh thu và giá vốn của từng loại mặt hàng. Điều này sẽ làm cho Ban quản lý dễ bị nhầm lẫn, từ đó Ban giám đốc sẽ không đưa ra được nhiều định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do Công ty cung cấp, nhằm tối đa hoá lợi nhuận..

Thứ hai, về việc chưa xây dựng chính sách về chiết khấu thanh toán cho khách hàng mua số lượng lớn

Thứ ba, về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán: Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở Công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

3.3. Một số giải pháp nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng.**3.3.1. Giải pháp 1: Tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.**

Hiện tại, công ty đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực về bán buôn sắt, thép. Tuy nhiên công ty chưa mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng.

Vì vậy, công ty cũng nên mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng và sổ chi tiết hàng bán theo từng lĩnh vực.

Tác dụng của việc mở các sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632:

- + Giúp phân biệt được từng loại doanh thu cũng như giá vốn, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào. Từ đó các nhà lãnh đạo sẽ mở rộng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình cung cấp hàng hoá, dịch vụ nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất.

- + Giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cho từng loại sản phẩm hàng hóa.

Dưới đây là hai mẫu sổ chi tiết gồm Sổ chi tiết doanh thu và Sổ chi tiết GVHB dùng cho hoạt động buôn bán sắt thép

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH TMDV Và Thép Phú Hưng
Địa chỉ: Số 10/861, Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S17 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tên sản phẩm: Thép PL6x1500x6000
Năm 2016

Đơn vị tính: Kg

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(5212, 5231)
A	B	C	D	E	1	2	3= 2x1	4	5
									
17/03	HĐ0000236	17/03	Xuất bán thép PL6x1500x600_ Hải Long	112	5.510,7	11.500	63.373.050	6.337.305	
...	...	...	..	...	...	...	...	...	...
25/03	HĐ0000240	25/03	Xuất bán thép PL6x1500x600_ Hải Long	112	13.254	11.500	152.421.000	15.242.100	
26/03	HĐ0000241	05/04	Xuất bán thép PL6x1500x600_ Hoàng Kim	131	6.210,2	11.500	71.417.300	7.141.730	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
12/09	HĐ0000278	12/09	Xuất bán thép PL6x1500x600_IHI	111	1937,5	11.500	22.282.250	2.228.125	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
			Cộng số phát sinh		389.803,9	11.500	4.482.744.850	448.274.485	
			Doanh thu thuần				4.482.744.850		
			Giá vốn hàng bán				3.575.527.940		
			Lãi gộp						

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết giá vốn

Công

Mẫu số S03b – DNN

Số 559 Ngô Gia Tự, Trung Hành 7,

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Mặt hàng: Thép tấm PL6x1500x6000

Năm 2016

Đơn vị tính: kg

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Giá Vốn		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
...	...	...	...	...	...	...	...
17/03	PXK030	17/03	Xuất bán thép PL6x1500x600_ Hải Long	156	5.350	9.500	50.825.000
					160,7	9.000	1.446.300
25/03	PXK034	25/12	Xuất bán thép PL6x1500x600_ Hải Long	156	10.265	9.041	92.805.865
					2989	9.200.	27.498.800
...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng		389.803,9		3.575.527.940
			Ghi có TK 632				3.575.527.940
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12

năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng)

3.2.2. Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều công ty buôn bán sắt khác nhau mà giá cả lại chênh nhau không nhiều. Điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao, buộc Doanh nghiệp phải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán vì vậy công ty nên đưa vào nhằm thu hút khách hàng.

Chiết khấu thương mại

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hoạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hoạch toán vào TK 5211.

Phương pháp hạch toán

Tài khoản sử dụng: **TK 5211** - Chiết khấu thương mại

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 5211 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112, 131

Cuối tháng kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Nội dung hưởng chiết khấu	Số % được hưởng
≥ 10.000 kg	1%
15.000 đến 20.000 kg	2%
≥ 20.000 kg	3%

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng nên áp dụng chiết khấu thương mại với khách hàng mua hàng nhiều lần trong 1 tháng.

Ví dụ 1:

Trong tháng 3/2016 có phát sinh bán hàng cho Công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long như sau:

Ngày 17/03, bán 5.510,7 kg Thép tấm PL6x1500x6000 cho công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long theo HĐ số 0000236 ngày 17/03/2016, đơn giá 11.500 VNĐ/kg (chưa VAT 10%), đã thanh toán bằng chuyển khoản

Ngày 25/03, bán 13.254 kg Thép tấm PL6x1500x6000 cho công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long theo HĐ số 0000240 ngày 25/03/2016, đơn giá 11.500 VNĐ/kg (chưa VAT 10%), đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Vì vậy trong tháng 3/2016 công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long đã mua 18.764,7 kg Thép tấm PL6x1500x6000.

Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng khi viets hóa đơn xuất bán ngày 25/03 sẽ trừ phần chiết khấu thương mại 2%

Tổng số tiền chiết khấu là: $18.764,7 \times 11.500 \times 2\% = 4.315.881$

Định khoản:

Nợ 112: 162.915.631

Có 511: 148.105.119

Có 3331: 14.810.512

Biểu số 3.3 HĐ GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 25 tháng 03 năm 2016				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0000240	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH TMDV VÀ THÉP PHÚ HÙNG Mã số thuế: 0201179004 Địa chỉ: Số 10/861 Tôn Đức Thắng, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản: 0031000.130585 tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi Nhánh Hải Phòng (Vietcombank)					
Đơn vị mua hàng: công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long Mã số thuế: 0200109519 Địa chỉ: Số 108 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng Hình thức thanh toán:CK.....Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép tấm PL6x1500x6000	Kg	13.254	11.500	100.421.000
2	Chiết khấu thương mại được hưởng		18.764,7	230	4.315.881
Cộng tiền hàng					148.105.119
Thuế GTGT :10%		Tiền thuế GTGT			14.810.512
Tổng tiền thanh toán					162.915.631
Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm mười lăm nghìn, sáu trăm ba mươi mốt đồng.					
Người mua hàng <i>(Đã ký)</i>		Người bán hàng <i>(Đã ký)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Đã ký)</i>	

3.3.3 Giải pháp 2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.

Trong nền kinh tế thị trường càng ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng phát triển khiến nhu cầu nhận và xử lý thông tin cũng trở nên khó khăn, phức tạp nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức.

Phần mềm kế toán sẽ giúp doanh nghiệp ghi lại và xử lý các nghiệp vụ kế toán một cách dễ dàng và nhanh chóng. Với một công ty liên tục phát triển sẽ làm cho một số bộ phận trong công ty không kịp thời xử lý các nghiệp vụ phát sinh và số liệu cũng không được liên kết kịp thời. Vì vậy giải pháp tối ưu nhất là các doanh nghiệp cần sử dụng phần mềm kế toán để kịp thời ứng phó với tình hình trên.

Những lý do nên chọn phần mềm kế toán theo yêu cầu đặc thù từng Doanh nghiệp. Để giúp doanh nghiệp quản lý tốt về kế toán và hoạt động kinh doanh một cách trơn tru nên việc ứng dụng phần mềm kế toán theo đặc thù của Doanh nghiệp là rất cần thiết. Những đơn vị viết phần mềm kế toán theo yêu cầu có chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kế toán, sổ sách kế toán, và các báo cáo nội bộ.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như : MISA SME.NET2017, FAST,DMA,ASOFT,METADATA, G9,...

Những lợi ích mang lại từ phần mềm viết theo yêu cầu:

- Tiết kiệm thời gian.
- Phân tích dữ liệu tài chính và tổng hợp rất chính xác.
- Kiểm tra tốt tình hình tài chính công ty.
- Phân tích và những rủi ro tiềm ẩn cho Ban Giám Đốc.
- Tiết kiệm chi phí.
- Tối ưu quy trình quản lý doanh nghiệp.
- Giúp Ban Giám Đốc ra quyết định chiến lược kinh doanh nhanh chóng, chính xác.

Ngoài ra, phần mềm kế toán theo yêu cầu còn hỗ trợ rất tốt cho các phòng ban như:

- Sổ sách kế toán / nhật ký chung.
- Dịch vụ trả lương.
- Thuế thu nhập.
- Chuẩn bị khai thuế.
- Giải pháp kế toán được chứng nhận.

- Kế toán tổng hợp và sổ sách kế toán.
- Chuẩn bị các báo cáo tài chính.
- Dịch vụ biên chế.
- Thu nợ.
- Xử lý tiền mặt và hoạt động ngân hàng.
- Dự báo tiền mặt.
- Thanh toán nợ.

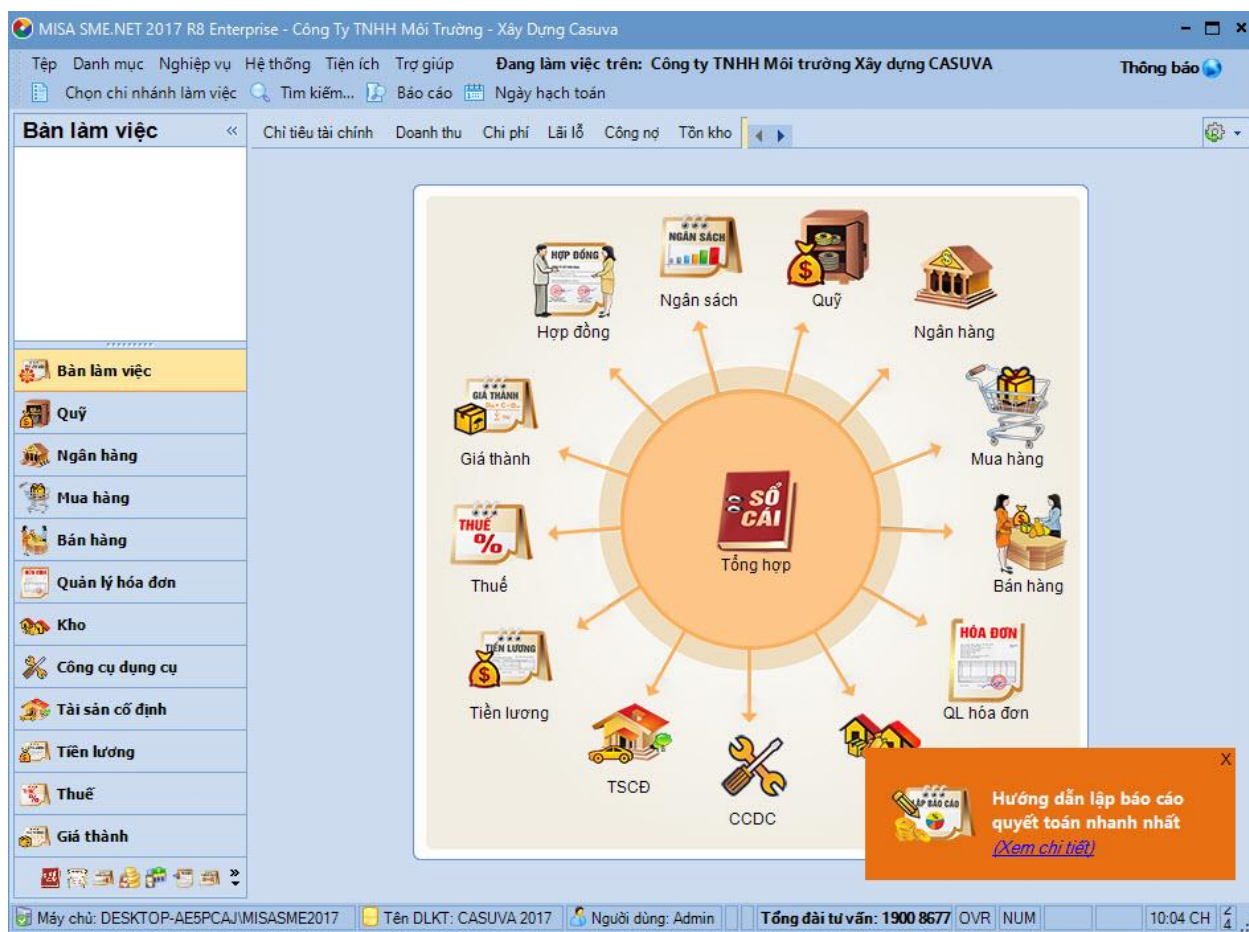
Công ty có thể tham khảo phần mềm MISA SME.NET là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Đối với lĩnh vực Thương mại, dịch vụ: MISA SME.NET giúp doanh nghiệp theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí, công nợ và tự động tính lợi nhuận theo từng phòng ban/ bộ phận, giúp lãnh đạo doanh nghiệp dễ dàng đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận.

Giá bán của phần mềm MISA SME.NET 2017 gói Enterprise với đầy đủ 16 phân hệ (Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp) hiện nay là: 12.950.000 đồng.

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017:



3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng

Ban lãnh đạo công ty phải kiểm soát, kiểm tra chặt chẽ công tác kế toán, bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có đạo đức nghề nghiệp.

Công ty phải có khả năng tài chính và đầu tư máy móc thiết bị khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp

Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ, nhân viên kế toán một cách hợp lý, doanh nghiệp cần tạo mối quan hệ bền vững với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định sự bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩ hết sức quan trọng trong doanh nghiệp và quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà người quản lý có thể xác định được doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hay không. Để từ đó có thể đưa ra các chiến lược phù hợp giúp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời việc hạch toán này còn giúp cho các nhà đầu tư tìm hiểu về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp và quyết định có nên đầu tư tại doanh nghiệp không.

Sau 2 tháng thực tập tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phú Đức Quang, giúp em nêu được các vấn đề nhận thức về kế toán doanh thu, kế toán chi phí quản lý và xác định kết quả kinh doanh của và phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty. Và đưa ra được những ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức về bản thân còn hạn chế nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, ý kiến đóng góp từ phía thầy cô, nhà trường, ban giám đốc và phòng kế toán tại công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo - Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và các anh (chị) trong phòng kế toán tại Công ty TNHH TMDV và Thép Phú Hưng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.